

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN.

Sinh viên : Phạm Trần Huyền Trang
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA
TẠI CÔNG TY NHỊ SƠN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Trần Huyền Trang
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Trần Huyền Trang

Mã SV: 1312401046

Lớp: QT1702K

Ngành: Kế Toán - Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Nhị Sơn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Nghiên cứu lý luận chung về kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp
- ✓ Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Nhì Sơn
- ✓ Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán hàng hóa tại Công ty Nhì Sơn.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty Nhì Sơn trong 2 năm gần nhất.
- Số liệu về thực trạng kế toán hàng hóa Công ty Nhì Sơn.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Nhì Sơn

Số 73, đường Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Văn Thụ*

Học hàm, học vị: *Thạc sĩ*

Cơ quan công tác: *Trường Đại học Dân lập Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty
Nhị Sơn*

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày.... tháng... năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày.... tháng... năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Trần Huyền Trang

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày..... tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Phạm Trần Huyền Trang* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Nhị Sơn. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Tháng 12 năm 2016). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Nhị Sơn. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán hàng hóa tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày. tháng. năm.

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ.	2
1.1 Những vấn đề chung về hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.	2
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.....	2
1.1.1.1 Khái niệm hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.	2
1.1.1.2. Đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.	2
1.1.1.3. Vai trò hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.	3
1.1.2. Yêu cầu và nhiệm vụ cơ bản của kế toán hàng hóa.....	3
1.1.2.1. Yêu cầu quản lý hàng hóa.	3
1.1.2.2. Nhiệm vụ kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.	5
1.1.3. Phân loại hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.....	6
1.1.4. Tính giá hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.....	7
1.1.4.1. Tính giá hàng hóa nhập kho.	7
1.1.4.2. Tính giá hàng hóa xuất kho :	9
1.2 Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.....	12
1.1.1. Yêu cầu hạch toán chi tiết hàng hóa.....	12
1.1.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.....	13
1.1.3. Các phương pháp kế toán chi tiết hàng hóa.....	14
1.1.3.1. Phương pháp thẻ song song.....	14
1.1.3.2. Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển.....	15
1.1.3.3. Phương pháp ghi sổ số dư	17
1.3 Kế toán tổng hợp tình hình biến động hàng hóa trong doanh nghiệp.	19
1.3.1 Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên... 19	
1.3.1.1. Đặc điểm của phương pháp	19
1.3.1.2. Tài khoản sử dụng :	20
1.3.1.3. Trình tự hạch toán.	20
1.3.2 Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	22
1.3.2.1. Đặc điểm của phương pháp	22

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.	22
1.3.2.3. Trình tự hạch toán :	23
1.4 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	25
1.5 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán hàng hóa tại doanh nghiệp.	27
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY NHỊ SƠN.....	30
2.1 Khái quát chung về công ty Nhị Sơn.....	30
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Nhị Sơn.....	30
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty	31
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý	31
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty	32
2.1.4.1. Tổ chức công tác kế toán.....	32
2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp áp dụng kế toán tại công ty.	33
2.2. Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại công ty Nhị Sơn.....	35
2.2.1 Thủ tục nhập, xuất kho trong công tác kế toán tại công ty	35
2.2.2 Kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty	51
2.3. Kế toán tổng hợp hàng hóa tại công ty	58
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY NHỊ SƠN.....	63
3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại công ty Nhị Sơn.	63
3.1.1. Ưu điểm	64
3.1.2. Nhược điểm.	66
3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty Nhị Sơn.....	67
3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty.67	
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán.....	67
3.2.3. Nguyên tắc của việc hoàn thiện kế toán hàng hóa	69
3.2.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty Nhị Sơn.....	70
KẾT LUẬN	77
TÀI LIỆU THAM KHẢO	79

LỜI MỞ ĐẦU

Trong thời đại hội nhập như hiện nay, phát triển kinh tế bền vững là mục tiêu hướng tới của nhiều quốc gia và là một trong những vấn đề quan trọng góp phần nâng cao vị thế quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế. Tính bền vững về kinh tế được thể hiện trên các khía cạnh: sự gia tăng quy mô kinh tế, tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ và bình đẳng về cơ hội tham gia cũng như hưởng thụ thành quả phát triển của mọi người. Trong quá trình kinh tế phát triển hiện nay, doanh nghiệp cũng là một đơn vị cơ sở, một tế bào của nền kinh tế tạo ra của cải vật chất cho xã hội, trực tiếp phối hợp các yếu tố sản xuất một cách hợp lý nhằm tạo ra những sản phẩm hoặc dịch vụ một cách có hiệu quả nhất. Khi bước vào sản xuất kinh doanh mục tiêu hàng đầu sản xuất là kinh doanh phải có lãi. Bên cạnh đó các doanh nghiệp cần phải quan tâm quản lý tất cả các yếu tố đầu vào và tăng cường thúc đẩy các yếu tố đầu ra sao cho có hiệu quả nhất nhằm mục đích cuối cùng là đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho doanh nghiệp. Từ nhiệm vụ trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý mà việc cần thiết trong quản lý là phải tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với doanh nghiệp thương mại.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã hiểu hơn về công tác hàng hóa và tầm quan trọng của kế toán của nó. Từ kiến thức em đã được học tại nhà trường cùng với sự thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Nhị Sơn** “ cho đề tài khóa luận của mình.

Nội dung khóa luận được trình bày trong 3 chương :

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại công ty Nhị Sơn.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Nhị Sơn.

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ

1.1 Những vấn đề chung về hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

1.1.1. **Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ**

1.1.1.1 *Khái niệm hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.*

Hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ là các vật tư, sản phẩm do doanh nghiệp mua về với mục đích để bán. Trị giá hàng mua vào bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí thu mua hàng hóa như chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng hóa. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất sẽ được trừ khỏi chi phí mua hàng.

Hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ thường đa dạng và nhiều chủng loại khác nhau. Hàng hóa thương xuyên biến động trong quá trình kinh doanh nên cần phải theo dõi tình hình, nhập, xuất và tồn trên mặt hàng: Số lượng, chất lượng và chủng loại, giá trị của hàng hóa.

1.1.1.2. *Đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.*

– Hàng hóa rất đa dạng và phong phú, sản xuất không ngừng phát triển, nhu cầu tiêu dùng luôn luôn biến đổi và có xu hướng ngày càng tăng nên dẫn đến hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều chủng loại.

– Hàng hóa có đặc tính lý, hóa, sinh học: mỗi loại hàng hóa có các đặc tính lý, hóa, sinh học riêng. Những đặc tính này có ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng hàng hóa trong quá trình thu mua, vận chuyển và dự trữ, bảo quản và bán ra thị trường.

– Hàng hóa luôn thay đổi về chất lượng, mẫu mã, thông số kỹ thuật, v.v. Sự thay đổi này phụ thuộc vào trình độ phát triển của sản xuất, vào nhu cầu tiêu dùng thì hàng hóa được tiêu thụ và ngược lại.

– Trong lưu thông, hàng hóa thay đổi quyền sở hữu nhưng chưa đưa vào sử dụng. Khi kết thúc quá trình lưu thông, hàng hóa mới được đưa vào sử dụng để đáp ứng nhu cầu cho tiêu dùng hay sản xuất.

– Hàng hóa có vị trí rất quan trọng trong các doanh nghiệp thương mại, quá trình vận động của hàng hóa cũng là quá trình vận động của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp.

– Về mua hàng: Đây là giai đoạn đầu tiên trong quá trình lưu chuyển hàng hóa tại các doanh nghiệp thương mại. Là quá trình vận động của vốn kinh doanh từ tiền tệ sang vốn hàng hóa.

– Về bán hàng: Đây là giai đoạn cuối cùng kết thúc quá trình lưu thông hàng hóa, sự chuyển hóa vốn kinh doanh từ vốn hàng hóa sang vốn tiền tệ.

– Về sự bảo quản và dự trữ hàng hóa: Đây là khâu trung gian của lưu thông hàng hóa, sự chuyển hóa vận chuyển diễn ra bình thường, các doanh nghiệp phải có kế hoạch dự trữ hàng hóa một cách hợp lý.

1.1.1.3. Vai trò hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

Trong doanh nghiệp thương mại, hàng hóa là bộ phận hàng tồn kho, hàng hóa còn là nguyên liệu cho nhà sản xuất, là hàng hóa trong thương mại, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy cần phải theo dõi, quản lý thường xuyên.

Kế toán hàng hóa là việc hạch toán quá trình mua, bán và bảo quản dự trữ hàng hóa, thương mại của doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu. Do đó việc hạch toán ở khâu này cực kỳ quan trọng đối với bất kỳ doanh nghiệp nào. Bên cạnh đó, kế toán hàng hóa còn có nhiệm vụ là công cụ quan trọng và không thể thiếu của quản lý hàng hóa cả về mặt hiện vật, giá trị nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngăn ngừa hạn chế đến mức thấp nhất những mất mát, hao hụt hàng hóa trong các khâu của quá trình kinh doanh thương mại, từ đó làm tăng lợi nhuận của Công ty.

Việc tập trung quản lý một cách chặt chẽ ở tất cả các khâu, từ thu mua, dự trữ đến tiêu thụ, trên tất cả các mặt: Số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả.v.v. là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí vận chuyển, chi phí bảo quản, xác định giá vốn hàng bán, giá bán hàng hóa, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận v.v cho doanh nghiệp.

1.1.2. Yêu cầu và nhiệm vụ cơ bản của kế toán hàng hóa.

1.1.2.1. Yêu cầu quản lý hàng hóa.

Quản lý hàng hóa đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động kinh doanh thương mại. Quản lý tốt hàng hóa thì có thể tránh được rủi ro ảnh hưởng đến

việc tiêu thụ hàng hóa cũng như thu nhập của toàn doanh nghiệp. Vì thế, hàng hóa và việc quản lý hàng hóa là một trong những vấn đề được quan tâm nhất của các doanh nghiệp hiện nay. Trong thị trường kinh tế hiện nay, doanh nghiệp thương mại nào muốn cho hoạt động kinh doanh được tiến hành thường xuyên và liên tục mà không bị gián đoạn thì bắt buộc phải có một lượng hàng dự trữ nhất định. Tuy nhiên, do lượng hàng dự trữ này luôn bị biến động do hoạt động kinh tế chính của doanh nghiệp thường xuyên diễn ra ở các khâu mua và bán hàng hóa. Do đó, để quản lý hàng hóa thì doanh nghiệp cần phải đảm bảo quản lý tốt về các mặt số lượng, chất lượng, giá trị. Bên cạnh đó, cần phải tổ chức theo dõi chặt chẽ ở tất cả các khâu: thu mua, bảo quản, xuất bán và dự trữ. Trong quá trình này, nếu quản lý không tốt sẽ ảnh hưởng đến chất lượng và giá trị hàng hóa. Cụ thể yêu cầu của công tác quản lý hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại như sau:

– Quản lý về mặt số lượng: Đây là việc phản ánh thường xuyên tình hình nhập xuất hàng hóa về mặt hiện vật, để qua đó thấy được việc thực hiện kế hoạch mua và tiêu thụ hàng hóa. Qua đó, cũng phát hiện ra hàng hóa tồn đọng lâu ngày, tiêu thụ chậm, hoặc không tiêu thụ được để có biện pháp giải quyết, tránh tình trạng ứ đọng vốn.

– Quản lý về mặt chất lượng: Để có thể cạnh tranh được trên thị trường hiện nay thì hàng hóa lúc nào cũng đáp ứng được chất lượng thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Đó là một nhu cầu rất cần thiết của hoạt động kinh doanh thương mại. Do đó, khi mua hàng doanh nghiệp cần phải lựa chọn nguồn hàng có tiêu chuẩn cao và phải kiểm nghiệm chất lượng khi mua hàng về nhập kho. Hàng hóa dự trữ trong kho luôn phải kiểm tra bảo quản tốt, tránh tình trạng hư hỏng, giảm chất lượng uy tín của doanh nghiệp.

– Quản lý về mặt giá trị: Đơn vị luôn phải theo dõi giá trị hàng hóa trong kho, và theo dõi tình hình biến động giá cả trên thị trường để biết được hàng hóa có giá trị tăng giảm như thế nào để phản ánh đúng thực tế giá trị hàng tồn kho.

– Quản lý trong khâu thu mua: Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch mua hàng hóa về khối lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, chi phí thu mua của hàng hóa v.v phải được phản ánh đầy đủ và chính xác. Kế hoạch mua hàng hóa phải đúng tiến độ thời gian, đảm bảo cho tiến trình mua hàng đáp ứng được nhu cầu về hàng hóa phục vụ cho quá trình hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời tăng nhanh vòng quay của vốn lưu động.

– Quản lý trong khâu bảo quản: Tổ chức bảo quản hàng hóa trong kho cũng như đang đi trên đường vận chuyển, phải có một hệ thống kho tàng, phương tiện vận chuyển phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng loại hàng hóa nhằm đảm bảo an toàn hàng hóa, hạn chế những hao hụt, hư hỏng, mất mát xảy ra trong quá trình bảo quản vận chuyển.

– Quản lý trong khâu dự trữ: Để đảm bảo cho quá trình kinh doanh được bình thường không bị ngưng trệ, gián đoạn do cung ứng không kịp thời hoặc gây ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều, đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định mức dự trữ tối đa và tối thiểu.

Tóm lại, để hàng hóa của doanh nghiệp thương mại được tốt nhất, đảm bảo về cả chất lượng và giá trị của hàng hóa thì quá trình quản lý doanh nghiệp chặt chẽ từ khâu số lượng cho đến khâu bảo quản vận chuyển và dự trữ đều là những nội dung quan trọng trong công tác quản lý tài sản hàng hóa ở doanh nghiệp.

1.1.2.2. Nhiệm vụ kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

Trong các doanh nghiệp thương mại hiện nay, kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng đã giúp cho doanh nghiệp đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch về giá vốn hàng hóa, chi phí lợi nhuận, từ đó khắc phục được những thiếu sót và hạn chế trong công tác quản lý. Việc tổ chức, sắp xếp hợp lý giữa các khâu trong quá trình bán hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán hàng hóa và xác định được kết quả bán hàng. Kế toán hàng hóa cần thực hiện tốt những nhiệm vụ như sau:

– Phản ánh với giám đốc kịp thời, chi tiết khối lượng hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra, tồn kho cả về số lượng, chất lượng và giá trị. Tính toán đúng đắn giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác để nhằm xác định kết quả bán hàng.

– Tính giá thành thực tế của hàng hóa đã thu mua và nhập kho, kiểm tra tình hình thực kế hoạch thu mua hàng hóa về số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

– Kiểm tra, giám sát tình hình thực tế chỉ tiêu kế hoạch bán hàng, doanh thu bán hàng của đơn vị, tình hình thanh toán tiền hàng và nộp Thuế nhà nước.

– Cung cấp thông tin chính xác, trung thực, lập quyết toán đầy đủ, kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà Nước.

– Áp dụng đúng đắn các phương pháp về kỹ thuật hạch toán hàng hóa, chủng hướng dẫn kiểm tra các bộ phận. Từ trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu về hàng hóa (lập chứng từ, luân chuyển chứng từ), mở các sổ v.v thực hiện các chế độ đúng phương pháp quy định nhằm đảm bảo sử dụng thống nhất trong công tác kế toán, tạo điều kiện cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác kế toán trong phạm vi ngành kế toán và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Việc thực hiện tốt các nghiệm vụ trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc quản lý chặt chẽ hàng hóa và kết quả bán hàng.

1.1.3. Phân loại hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại

Theo tính chất thương phẩm kết hợp với đặc trưng kỹ thuật thì hàng hóa được chia thành từng ngành hàng, trong từng ngành hàng bao gồm nhiều nhóm hàng, mỗi nhóm hàng có nhiều mặt hàng mà mỗi mặt hàng lại có giá cả khác nhau. Hàng hóa gồm các ngành hàng :

- Hàng kim khí điện máy;
- Hàng hóa chất mỡ;
- Hàng xăng dầu;
- Hàng dệt may, bông sợi;
- Hàng da cao su
- Hàng gốm sứ, thủy tinh;
- Hàng mây, tre đan;
- Hàng rượu, bia, thuốc lá;

Theo nguồn gốc sản xuất gồm :

- Ngành hàng nông sản;
- Ngành hàng lâm sản;
- Ngành hàng thủy sản;

Theo khâu lưu thông thì hàng hóa được chia thành :

- Hàng hóa ở khâu bán buôn;
- Hàng hóa ở khâu bán lẻ;

Theo phương thức vận động của hàng hóa :

- Hàng hóa chuyển qua kho;
- Hàng hóa chuyển giao bán thẳng;

Việc phân loại và xác định những hàng hóa nào thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp ảnh hưởng tới việc tính chính xác của hàng hóa tồn kho, phản ánh trên bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng tới các chỉ tiêu và quan trọng đối với doanh nghiệp.

1.1.4. Tính giá hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

Tính giá hàng hóa là dùng tiền để biểu thị giá trị của hàng hóa theo nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực và thống nhất. Kế toán nhập – xuất – tồn kho hàng hóa phải phản ánh theo giá trị thực tế (hay theo giá gốc). Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hay phương pháp khấu trừ. Nếu những doanh nghiệp kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá gốc không bao gồm thuế GTGT, còn nếu doanh nghiệp kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì giá gốc bao cả thuế GTGT. Giá thực tế của hàng hóa là toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được loại hàng hóa đó. Giá trị thực tế bao gồm giá cả bản thân hàng hóa và chi phí thu mua, chi phí gia công, chi phí chế biến.

1.1.4.1. Tính giá hàng hóa nhập kho.

Theo quy định hiện hành hàng hóa tồn kho được đánh giá theo nguyên tắc “giá gốc” Kế toán phải xác định được giá gốc của hàng hóa ở từng loại thời điểm khác nhau. Trong trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng hóa tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua hàng của hàng tồn kho bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua.

Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm hàng hóa như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung (cố định và biến đổi) phát sinh trong quá trình chuyển hóa hàng hóa thành thành phẩm.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Chi phí liên quan trực tiếp khác thì tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí thu mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường (vượt quá định mức).
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho (trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng).

Còn đối với hàng hóa nhập kho thì giá thực tế mua ngoài được xác định theo từng nguồn nhập, cụ thể như sau :

- Đối với hàng hóa mua bên ngoài :

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá gốc} & = & \begin{array}{l} \text{giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{array} & + & \begin{array}{l} \text{các khoản} \\ \text{thuế} \\ \text{không} \\ \text{hoàn lại} \end{array} & + & \begin{array}{l} \text{chi phí thu mua} \\ \text{thực tế chi phí} \\ \text{vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp} \end{array} & - & \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{giảm giá} \\ \text{chiết khấu} \\ \text{thương mại.} \end{array} \end{array}$$

Giá mua ghi trên hóa đơn: Là tổng số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán theo hợp đồng hay hóa đơn phụ thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng, cụ thể như :

- + Nếu những doanh nghiệp kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua hàng hóa là giá chưa không bao gồm thuế GTGT.
- + Nếu những doanh nghiệp kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì giá mua hàng hóa là tổng giá thanh toán.

Các khoản thuế không hoàn lại: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt

Chi phí thu mua hàng hóa: Chi phí vận chuyển bốc dỡ, bảo quản, lưu chuyển, lưu bãi, lưu kho, bảo hiểm hàng hóa, hao hụt trong định mức cho phép.

Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận.

Giảm giá hàng mua: Là số tiền mà người bán giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách... khoản này chỉ giảm giá mua hàng hoá.

Đối với hàng hóa do doanh nghiệp tự gia công, chế biến :

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá thực tế của hàng hóa xuất gia công chế biến} + \text{chi phí nhân công chế biến}$$

- Đối với hàng hóa thuê ngoài gia công, chế biến :

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá thực tế hàng hóa thuê ngoài} + \text{chi phí vận chuyển, bốc xếp} + \text{chi phí thuê ngoài, chế biến}$$

- Đối với hàng hóa được biếu tặng :

Giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời giá trên thị trường .

1.1.4.2. Tính giá hàng hóa xuất kho :

Việc những loại hàng hóa giống nhau nhưng được mua với những mức giá khác nhau làm phát sinh nhưng vấn đề là sử dụng trị giá vốn nào cho hàng hóa tồn kho cuối kỳ và trị giá vốn nào cho hàng hóa bán ra.

❖ Phương pháp giá thực tế đích danh :

Theo phương pháp trên, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương pháp tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với các doanh thu thực tế. Giá trị của hàng hóa xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng hóa tồn kho được phản ứng theo giá trị thực tế của nó. Tuy nhiên, việc thực hiện phương pháp này đòi hỏi điều kiện khắt khe nên điều kiện áp dụng phương pháp như sau :

- + Điều kiện áp dụng: phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, giá trị hàng tồn kho lớn, mặt hàng ổn định và mang tính chất đơn chiếc có thể theo dõi riêng và nhận diện từng lô hàng .
- + **Ưu điểm:** Phương pháp đơn giản và dễ tính toán, chi phí của hàng bán phù hợp.
- + **Nhược điểm:** Không phù hợp với doanh nghiệp có nhiều loại hàng.

❖ Phương pháp giá bình quân :

Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị của từng loại hàng tồn kho được mua trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Phương pháp bình quân gia quyền này có thể được thực hiện theo cả kỳ hoặc sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn)

+ Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính giá trị vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá mua, giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Ta thấy phương pháp này khá đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ trước :

Phương pháp này khá đơn giản và phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa, để tính toán nhưng trị giá hàng xuất không chịu ảnh hưởng của sự thay đổi giá cả trong kỳ hiện tại. Vì vậy, phương pháp này làm cho chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh không sát với thực tế.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn kho cuối kỳ trước}}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho cuối kỳ trước}}$$

+ Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập :

Sau mỗi lần nhập hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân.

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những nhược điểm của 2 phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhập được thường xuyên liên tục. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

chủng loại hàng tồn kho, có lưu phương nhập – xuất ít. Còn nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất giữa 2 lần nhập kế tiếp để tính giá xuất theo công thức sau :

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

❖ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng hóa nào nhập trước thì sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá trị thực tế của từng lần nhập và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Do vậy, hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ.

Phương pháp này được áp dụng nhiều, đặc biệt là trong các doanh nghiệp theo dõi đơn giá thực tế từng lần nhập.

Phương pháp này có ưu điểm_ có thể tính ngay được trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép ở những khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn. Còn nhược điểm làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những chi phí hiện tại. Đồng thời nếu số lượng, chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

❖ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

Như vậy với phương pháp này chi phí của lần mua gần nhất sẽ tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm

bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán. Tuy nhiên, **trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ** có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

Tuy nhiên, Các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính thì từ ngày 1/1/2017 sẽ không còn sử dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp nhập sau – xuất trước và được thay bằng phương pháp giá bán lẻ cho các doanh nghiệp bán lẻ hàng hóa.

❖ Phương pháp giá bán lẻ

Phương pháp này được áp dụng trong ngành nghề bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường thì mỗi bộ phận bán lẻ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng. Ưu điểm: Việc thực hiện phương pháp này sẽ rút ngắn thời gian tính toán, và tính toán các giá trị hàng tồn kho với phần lớn các mặt hàng. Nhược điểm: chỉ áp dụng riêng cho các đơn vị đặc thù, chưa áp dụng rộng rãi.

Phương pháp giá bán lẻ chỉ áp dụng cho một số đơn vị đặc thù, ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự...

1.2 Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ

1.1.1. Yêu cầu hạch toán chi tiết hàng hóa.

Kế toán chi tiết hàng hóa là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hàng hóa hiện có và tình hình biến động của từng loại, từng nhóm hàng hóa về số lượng và giá trị. Kế toán chi tiết hàng hóa được thực hiện chi tiết đối với các loại hàng hóa lưu chuyển qua kho cả về chỉ tiêu giá trị lẫn hiện vật. Đây là công tác quản lý hàng hóa cần có ở doanh nghiệp, các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết hàng hóa phù hợp để tăng cường quản lý hàng hóa. Hạch toán nhập – xuất – tồn phải được phản ánh theo giá thực tế.

Việc hạch toán chi tiết hàng tồn kho phải được thực hiện hàng ngày ở từng kho và từng loại hàng hóa. Cuối tháng, phải tổng hợp số liệu để xác định giá vốn của hàng tiêu thụ.

Hiện nay các doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp ghi chi tiết hàng hóa đó là:

- ✓ Phương pháp thẻ song song
- ✓ Phương pháp đối chiếu luân chuyển
- ✓ Phương pháp sổ sổ dư.

1.1.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập xuất hàng hóa đều phải lập chứng cứ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định.

Theo chế độ quy định, chứng từ kế toán ban hàng theo quyết định số 48 của bộ trưởng bộ tài chính ban ngày 14/09/2006, các chứng từ kế toán về hàng hóa bao gồm:

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm kê vật tư hàng hóa
- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Hóa đơn cước phí vận chuyển.

Đối với các chứng từ này phải kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về biểu mẫu nội dung, phương pháp lập, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ hướng dẫn để thuận tiện cho việc theo dõi và hạch toán như:

- Phiếu xuất vật tư theo hạn mức
- Biên bản kiểm nghiệp
- Phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ.

Mọi chứng từ kế toán phải được tổ chức luân chuyển theo đúng trình tự và thời gian do kế toán trưởng của đơn vị quy định, nhằm phục vụ cho việc ghi chép, tổng hợp và cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ cho các cá nhân, bộ phận liên quan.

Các sổ kế toán chi tiết hàng hóa :

Tùy thuộc vào phương pháp hạch toán chi tiết hàng hóa áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ(thẻ) kế toán chi tiết sau :

- Thẻ kho

- Số (thẻ) kế toán hàng hóa
- Sổ đối chiếu luân chuyển
- Sổ dư

Ngoài các sổ kế toán chi tiết nêu trên, chúng ta còn có thể sử dụng các bảng kê nhập, xuất, tồn; các bảng lũy kế tổng hợp nhập – xuất – tồn kho hàng hóa phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết được đơn giản, nhanh chóng và kịp thời.

1.1.3. Các phương pháp kế toán chi tiết hàng hóa.

1.1.3.1. Phương pháp thẻ song song

+ Nguyên tắc của phương pháp :

- Ở kho :

Thủ kho dùng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng.

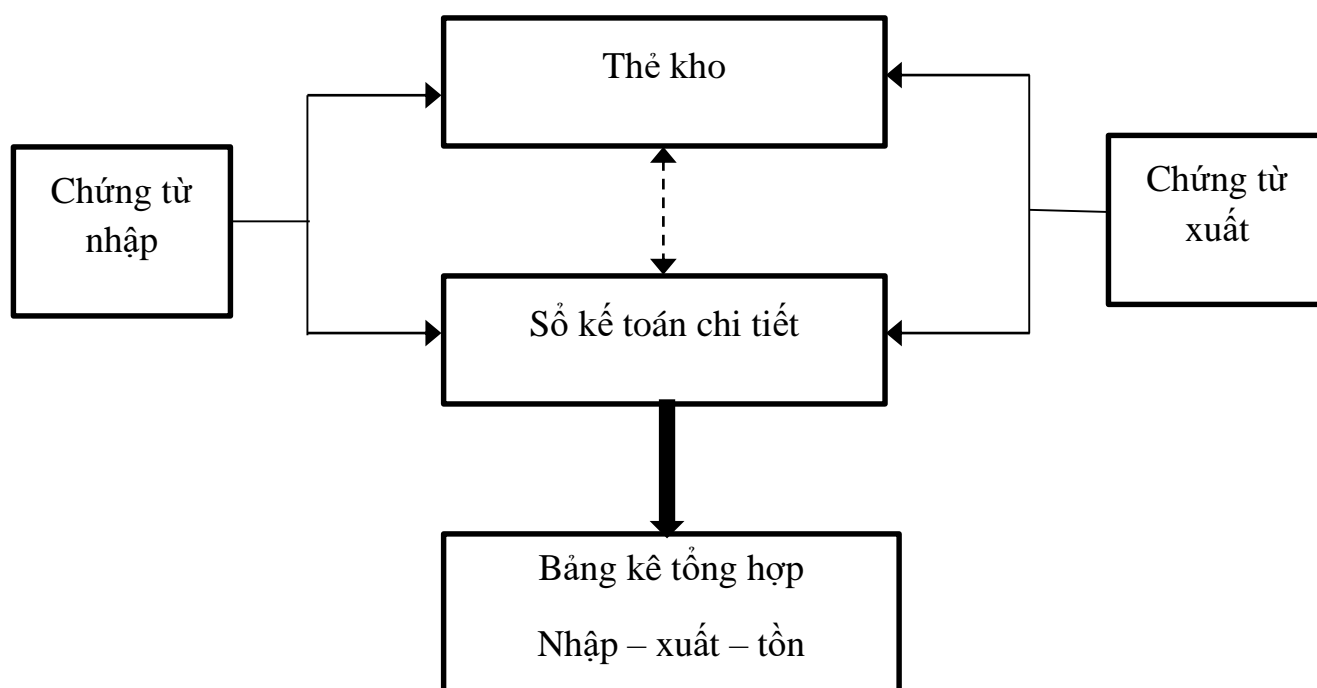
Khi nhập chứng từ nhập, xuất hàng hóa, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhận, thực xuất chứng từ vào thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho để ghi vào cột tồn kho trên kho. Định kỳ thủ kho gửi các chứng từ nhập – xuất đã phân loại theo từng thứ hàng hóa cho phòng kế toán.

- Ở phòng kế toán :

Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập – xuất kho cho từng thứ hàng hóa theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Khi nhận được chứng từ nhập, xuất của thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ rồi ghi vào sổ (thẻ) chi tiết vật tư. Mỗi chứng từ được ghi một dòng.

Cuối tháng kế toán lập bảng kê nhập – xuất – tồn trên sổ kế toán tổng hợp, sau đó đối chiếu với thẻ kho, sổ kế toán tổng hợp và số liệu kiểm kê thực tế.

Sơ đồ phương pháp ghi thẻ kho song song :



Ghi chú :

- : Ghi hàng ngày
- : Ghi cuối tháng
- ←-----→ : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.1. Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ kho song song.

- **Ưu điểm:** phương pháp song song ghi chép đơn giản, để kiểm tra đối chiếu đảm bảo sự chính xác của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị hàng tồn kho
- **Nhược điểm:** Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu và số lượng. Việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán.
- **Phạm vi sử dụng:** Thích hợp với các doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của các nhân viên kế toán chưa cao.

1.1.3.2. Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển

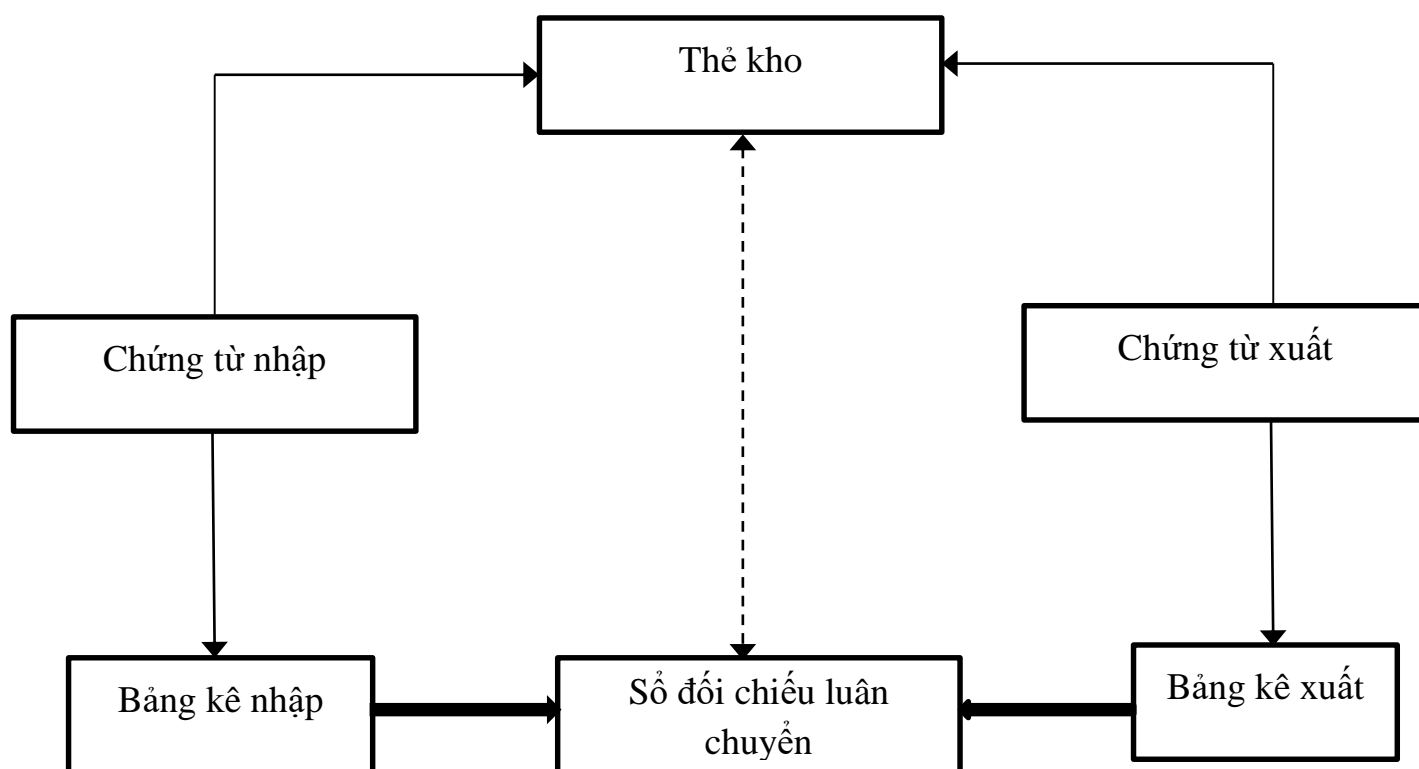
- + Nguyên tắc của phương pháp.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Ở kho: Thủ kho sử dụng kho để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song.
- Ở phòng kế toán:

Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại hàng hóa theo cả hai chỉ tiêu: Số lượng và giá trị ở từng kho dùng cho cả năm, mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán lập bảng kê nhập, xuất. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

Sơ đồ phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển.



Ghi chú :

- : Ghi hàng ngày
- : Ghi cuối tháng
- ←-----→ : Kiểm tra, đối chiếu.

Số 1.2: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển.

- **Ưu điểm:** Khối lượng ghi chép của kế toán giảm bớt (chỉ ghi một lần vào cuối tháng)
- **Nhược điểm:** Việc ghi sổ vẫn còn trùng lặp về chỉ tiêu và số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán. Việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế việc kiểm tra trong công tác quản lý.
- **Phạm vi sử dụng:** Thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại hàng hóa, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn hàng ngày. Phương pháp này thường ít được áp dụng trong thực tế.

1.1.3.3. Phương pháp ghi sổ số dư

+ Nguyên tắc phương pháp ghi sổ số dư :

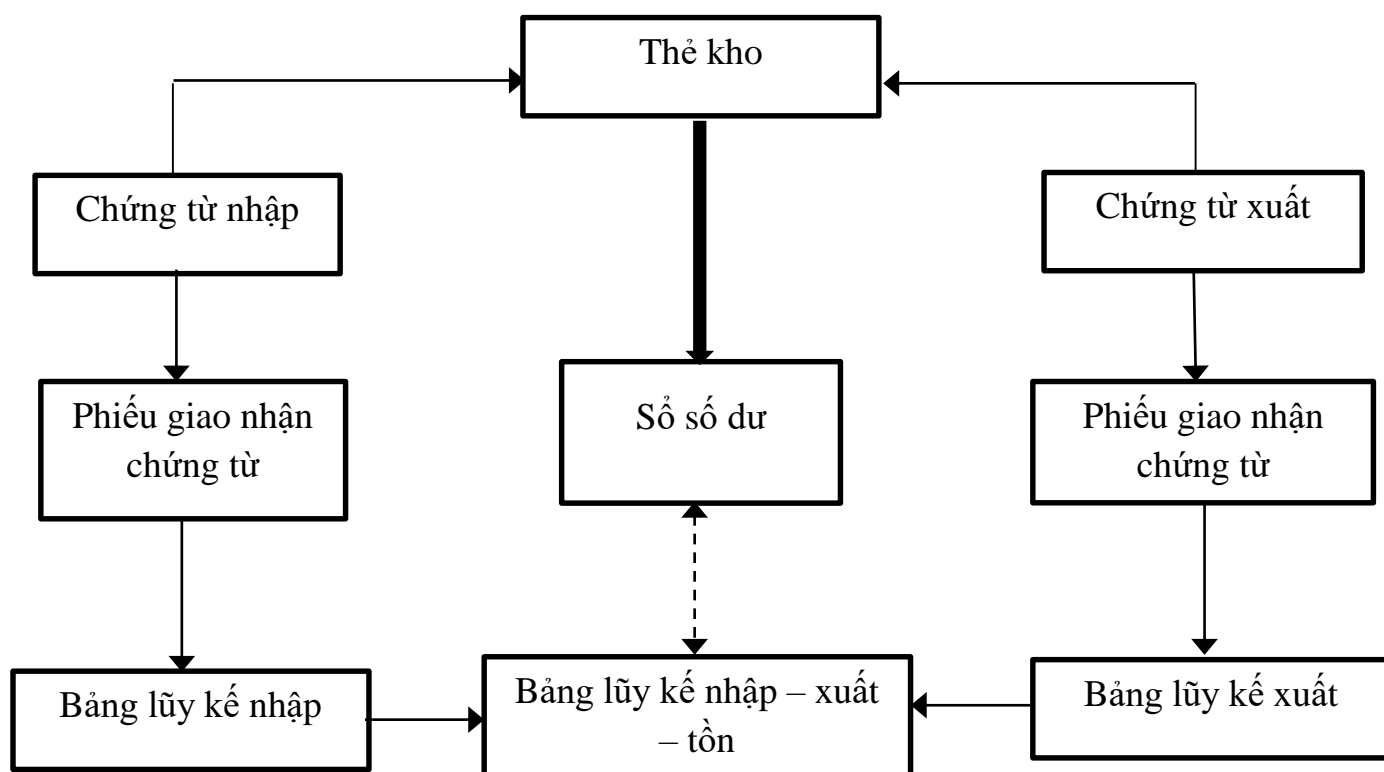
– Ở kho :

Thủ kho ghi chép sự biến động nhập – xuất – tồn về hàng hóa. Cuối tháng cơ sở tồn cuối tháng trên thẻ kho về hiện vật vào sổ số dư do kế toán lập, ghi chép vào cột số lượng.

– Ở phòng kế toán :

Kế toán định kỳ xuống kho để kiểm tra việc ghi chép trên “thẻ kho” của thủ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập – xuất kho. Sau đó, kế toán ký xác nhận vào phiếu nhận chứng từ.

Sơ đồ phương pháp sổ số dư :



Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp số số dư :

Ghi chú :

- : Ghi hàng ngày
- ➔ : Ghi cuối tháng
- ↔ : Ghi đối chiếu hàng ngày.

Sổ 1.3: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ số dư.

- **Ưu điểm:** Trong điều kiện thực hiện kế toán bằng phương pháp thủ công thì phương pháp sổ số dư được coi là hữu hiệu: hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, quản lý được hàng hóa, kế toán ghi chép đều đặn trong tháng, đảm bảo cung cấp số liệu chính xác và kịp thời, nâng cao công tác kế toán.
- **Nhược điểm:** Không theo dõi được chi tiết đến từng loại mặt hàng hóa, phải căn cứ vào thẻ kho mới được số liệu về tình hình nhập - xuất - tồn của từng loại hàng hóa.
- **Phạm vi sử dụng:** Thường xuyên áp dụng cho các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa, việc nhập - xuất diễn ra thường xuyên, doanh

nghiệp xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng hệ thống danh điểm hàng hóa hợp lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

1.3 Kế toán tổng hợp tình hình biến động hàng hóa trong doanh nghiệp.

Hàng hóa là tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho của doanh nghiệp. Để đáp ứng yêu cầu của quản trị doanh nghiệp, kế toán hàng hóa phải được tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở chứng từ theo chế độ kế toán quy định được ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hạch toán tổng hợp tình hình biến động hàng hóa là ghi chép sự biến động về mặt giá trị của hàng hóa trên các sổ kế toán tổng hợp.

Việc mở tài khoản tổng hợp ghi chép sổ kế toán hàng tồn kho, xác định giá trị hàng hóa xuất kho, tồn kho tùy thuộc vào doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hay phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.3.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.3.1.1. Đặc điểm của phương pháp

- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn hàng hóa trên các tài khoản kế toán.
- Khi doanh nghiệp áp dụng việc hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiệu có, tình hình biến động tăng, giảm hàng hóa. Do vậy, giá trị hàng hóa tồn kho trên sổ sách kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.
- Công thức tính giá thành hàng tồn kho :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{hóa tồn kho} & = & \text{hóa tồn kho} & + & \text{hóa nhập} & - & \text{xuất bán} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Tuy hạch toán phức tạp, tốn nhiều thời gian công sức và phải ghi chép nhiều sổ sách, nhưng phương pháp này cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời. Phương pháp này thường được áp dụng cho các đơn vị kinh doanh thương mại kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như: máy móc, thiết bị, hàng có kỹ thuật, hàng chất lượng cao.

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng :

Tài khoản 156 – Hàng hóa:

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 156 – Hàng hóa

Bên nợ:

- Trị giá mua vào hàng hóa theo hóa đơn mua hàng (bao gồm các loại thuế không được hoàn lại)
- Chi phí thu mua hàng hóa;
- Trị giá hàng hóa thuê ngoài gia công (bao gồm giá mua vào và chi phí gia công)
- Trị giá hàng hóa đã bán bị người mua trả lại
- Trị giá hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê
- Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai định kỳ)
- Trị giá hàng hóa bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư.

Bên có :

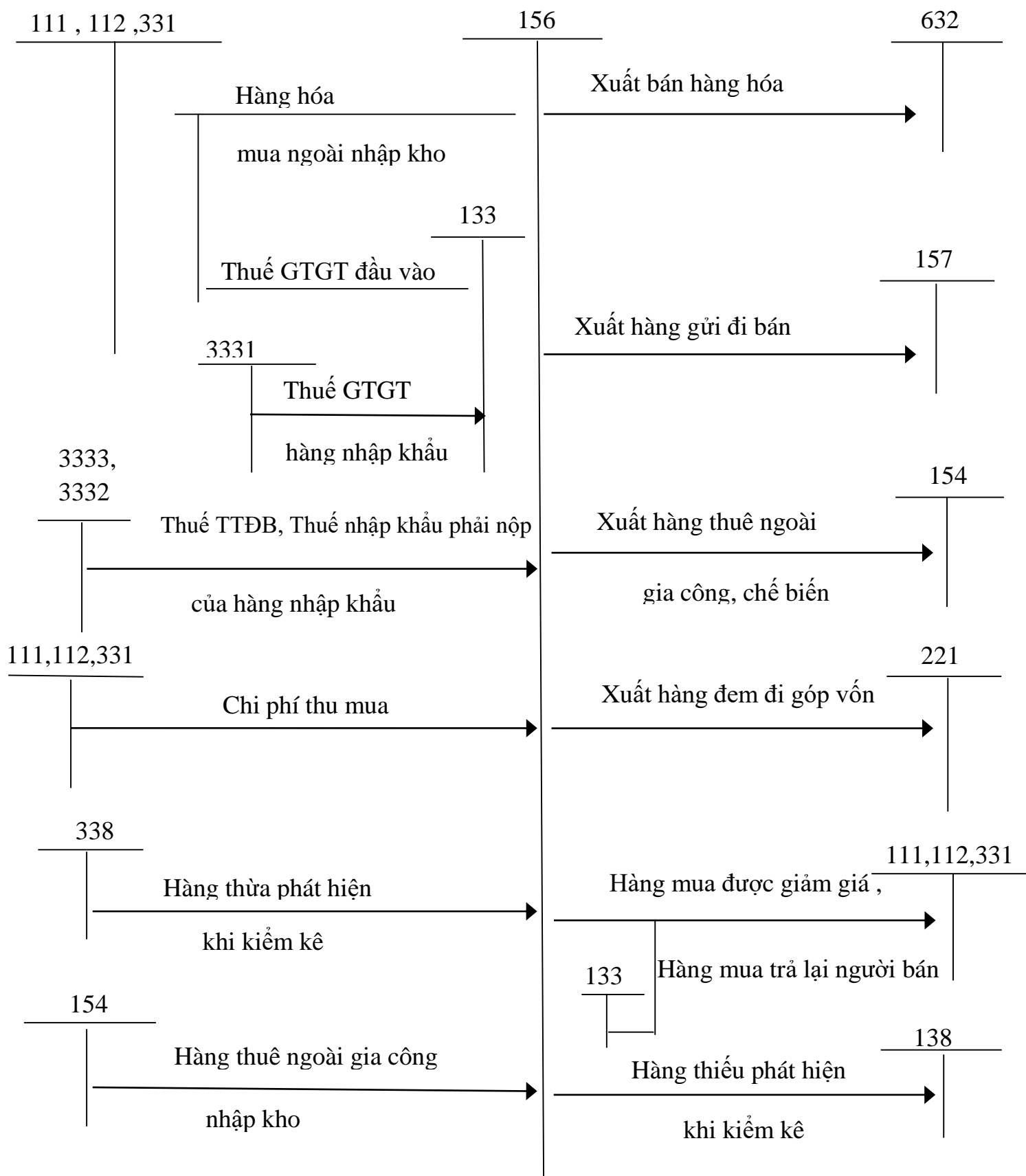
- Trị giá của hàng hóa xuất kho để bán, giao đại lý, giao cho đơn vị phụ thuộc thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh;
- Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ,
- Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng
- Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng
- Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán
- Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm tra định kỳ)
- Trị giá hàng hóa bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu hoặc tài sản cố định.

Số dư bên Nợ :

- Trị giá mua vào của hàng hóa tồn kho
- Chi phí thu mua của hàng hóa tồn kho

1.3.1.3. Trình tự hạch toán.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán tổng quát hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên (cơ sở nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

1.3.2 Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.3.2.1. Đặc điểm của phương pháp

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động hàng hóa trên các tài khoản phản ứng từng loại mặt hàng hóa tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ của hàng hóa trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế và xuất dùng cho việc kinh doanh của doanh nghiệp. Căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng hóa cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra giá trị xuất bán trong kỳ

Theo phương pháp này, mọi biến động của hàng hóa không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản tồn kho, giá trị hàng hóa nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản riêng (TK 611 – Mua hàng). Do đó, độ chính xác không cao mặc dù tiết kiệm công sức ghi chép. Phương pháp này chỉ thích hợp với các đơn vị kinh doanh những chủng loại hàng hóa có giá trị thấp, thường xuyên xuất bán.

$$\text{Giá trị hàng hóa xuất bán trong kỳ} = \text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị hàng hóa nhập trong kỳ} - \text{Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ}$$

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 611 – mua hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc đưa vào kinh doanh trong kỳ.
- Nội dung và kết cấu TK 611 – Mua hàng :

Bên nợ :

- + Kết cấu giá gốc hàng hóa tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê)
- + Giá gốc hàng hóa mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại ...

Bên có :

- + Kết quả giá gốc hàng hóa tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê)
- + Giá gốc hàng hóa xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ)
- + Giá gốc hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

TK 611 Không có số dư cuối kỳ.

- TK 631 – Giá thành sản phẩm :

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản phẩm và tính giá thành sản phẩm dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Kết cấu tài khoản 631 – giá thành sản xuất :

Bên nợ :

- + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ
- + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

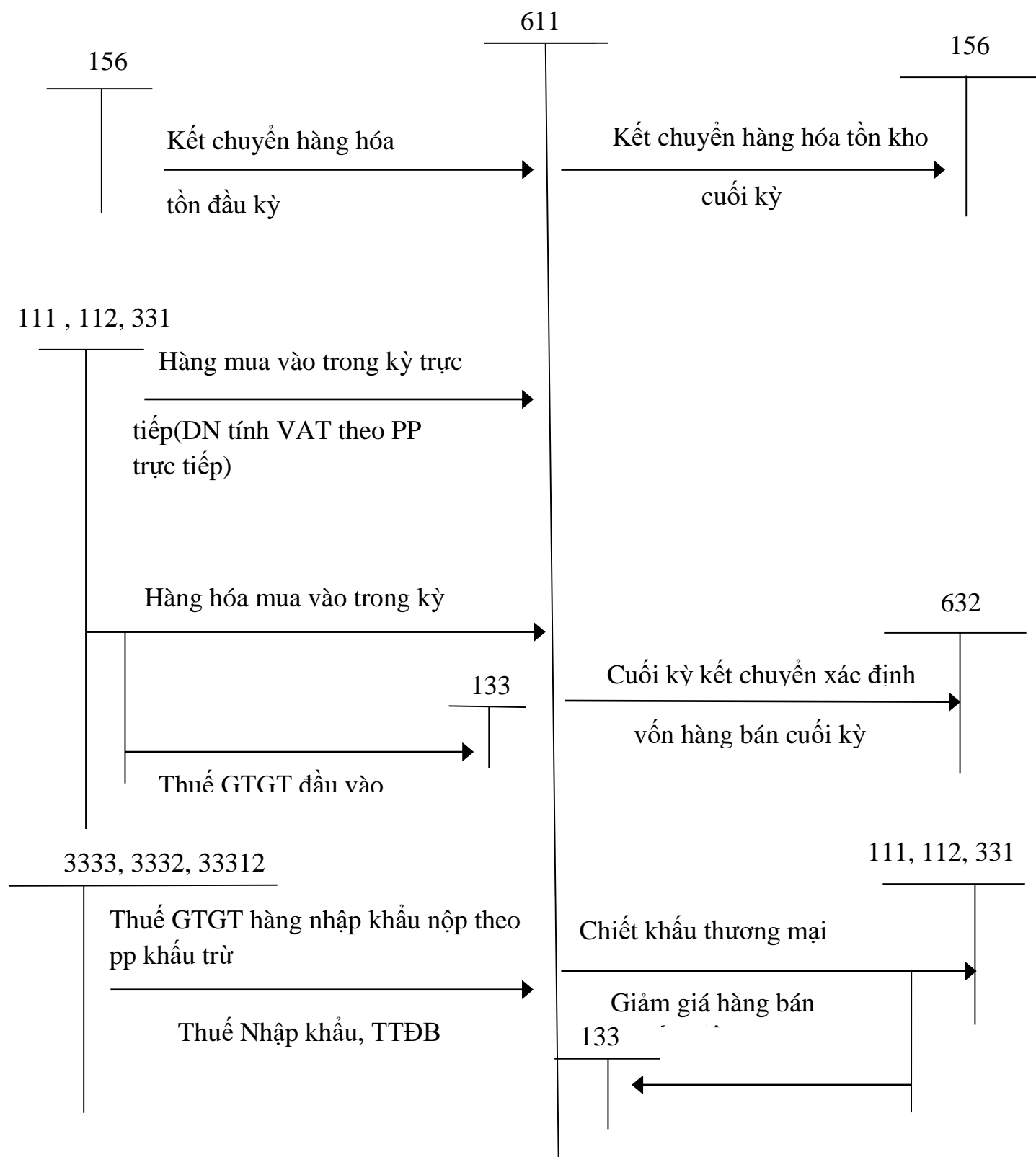
Bên có :

- + Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 “ giá vốn hàng bán “
- + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “ chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”

TK 631 không có số dư cuối kỳ

1.3.2.3. *Trình tự hạch toán :*

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán tổng quát hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.4 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm đáp các thiệt hại thực tế của ra do sản phẩm hàng hóa tồn kho bị giảm giá, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho khi doanh nghiệp lập báo cáo tài chính.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong quyết định 48 như sau :

Đối tượng lập dự phòng bao gồm hàng hóa, thành phẩm, sản phẩm dở dang (bao gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém chất lượng, lạc hậu...) mà giá gốc trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần cho việc bán sản phẩm đó

- Điều kiện lập dự phòng :

- Có hóa đơn chứng từ hợp pháp theo quy định hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn của hàng tồn kho.

- Là những vật tư, hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Thời gian lập và hoàn nhập dự phòng

- Thời điểm lập và hoàn nhập dự phòng là thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Trường hợp doanh nghiệp được Bộ Tài Chính chấp thuận áp dụng năm tài chính khác năm dương lịch thì thời điểm lập dự phòng là ngày cuối cùng của năm tài chính.

- Riêng đối với những doanh nghiệp niêm yết phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ thì được trích lập và hoàn nhập dự phòng cả thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

- ❖ **Phương pháp xác định mức dự phòng**

- Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng hàng hoá tồn kho thực tế của hàng hoá để xác định mức dự phòng.

Xác định mức dự phòng theo công thức:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\begin{array}{l} \text{Dự} \\ \text{phòng} \\ \text{giảm giá} \\ \text{hàng hoá} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng hàng} \\ \text{hoá thực tế tồn} \\ \text{kho tại thời} \\ \text{điểm lập báo} \\ \text{cáo} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng} \\ \text{hoá tồn kho} \\ \text{theo sổ kế toán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{Mức dự hoá tồn} \\ \text{kho} \end{array}$$

-Giá thực tế trên thị trường của hàng hoá bị giảm giá tại thời điểm 31/12 là giá có thể mua bán trên thị trường.

-Việc lập dự phòng phải tiến hành riêng cho từng loại hàng hoá bị giảm giá và tổng hợp bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho của doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng TK159(3) – Các khoản dự phòng dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Các khoản dự phòng này được lập để ghi nhận các khoản tổn thất có thể phát sinh do sự giảm giá

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK159(3) – Các khoản dự phòng:

Bên Nợ:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập trong trường hợp số phải lập năm nay lớn hơn năm trước

Bên Có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

-Số dư bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

-Phương pháp hạch toán dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho

-Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán

Có TK159(3): Dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho.

-Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (Bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK159(3): Dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho.

-Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK159(3): Dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho.

Có TK632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

1.5 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán hàng hóa tại doanh nghiệp.

Theo quyết định 48 có hiệu lực từ ngày 14/09/2006, doanh nghiệp có thể áp dụng 1 trong 4 hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán. Do phần thực trạng chương 2 của công ty áp dụng Nhật Ký Chung nên phần lý luận sẽ đi vào trình bày chi tiết trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật Ký Chung

✓ Hình thức Nhật Ký Chung

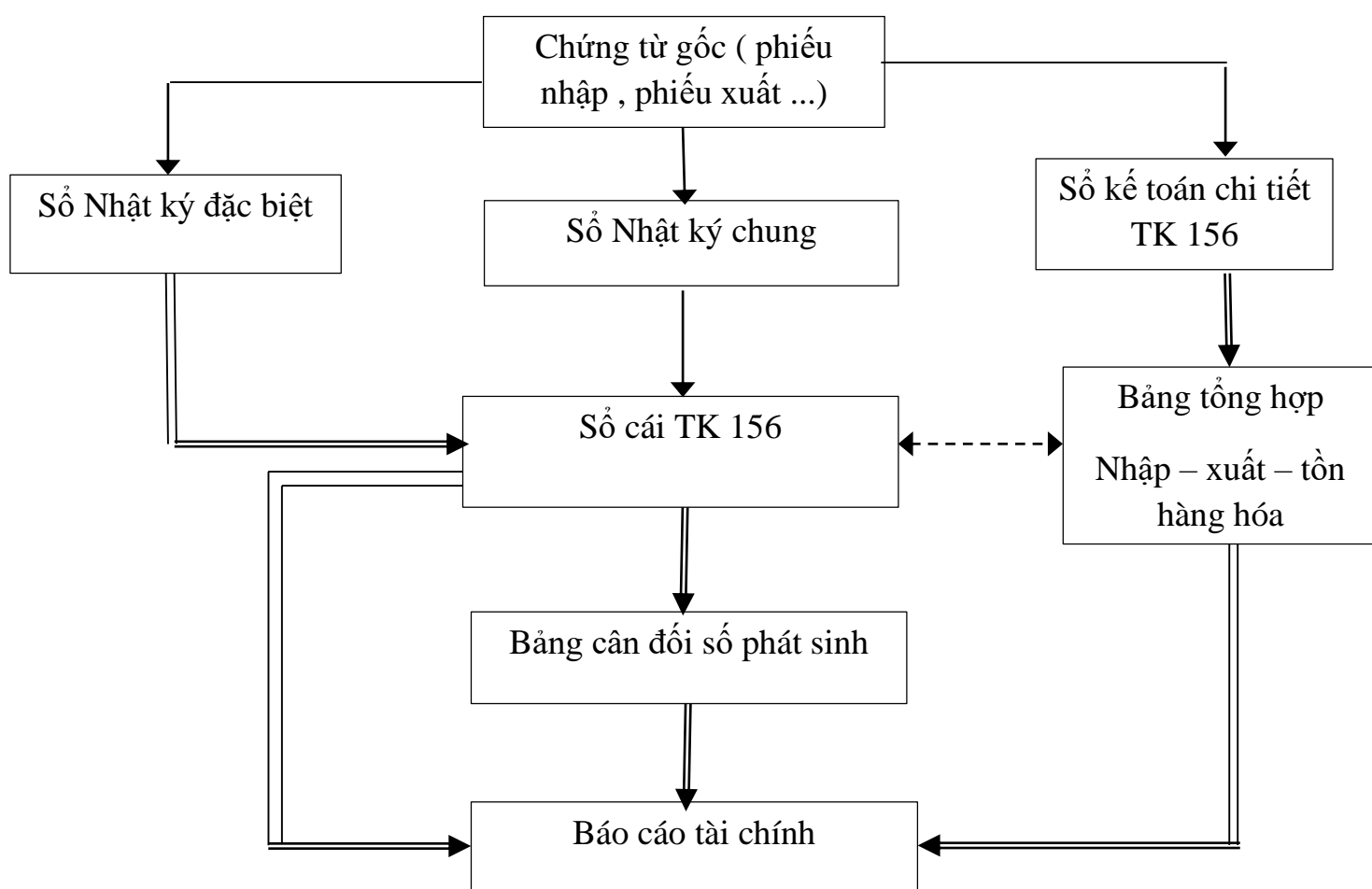
Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức Nhật ký chung :



Ghi chú :

—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

←-----> Đối chiếu hàng ngày

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung

- **Trình tự ghi sổ:**

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.
- Trường hợp đơn vị mở các Sổ Nhật Ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng để ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt. Định kỳ hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật Ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm công số liệu trên sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo Cáo Tài Chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh bên Nợ và tổng số phát sinh bên Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Bên Nợ và tổng số phát sinh Bên Có trên sổ Nhật Ký chung (hoặc sổ Nhật Ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật Ký đặc biệt) cùng kỳ.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY NHỊ SƠN

2.1 Khái quát chung về công ty Nhị Sơn.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Nhị Sơn.

Công ty Nhị Sơn là công ty tư nhân được thành lập vào năm 2005 theo quyết định của UNND thành phố Hải Phòng.

- Tên doanh nghiệp: Công Ty Nhị Sơn
- Địa chỉ: 73, Đường Tô Hiệu, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.385 5393.
- Mã số thuế: **0200296918**
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Tư Nhân

Năm 1984, công ty Nhị Sơn là một kiểu hợp tác xã vốn do tổ chức kinh tế tập thể các thành viên trong gia đình tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra, cùng nhau thực hiện để có hiệu quả các hoạt động kinh doanh buôn bán, góp phần phát triển kinh tế. Sau một thời gian hoạt động có hiệu quả, việc kinh doanh càng ngày càng phát triển, thị trường được mở rộng, lợi nhuận tăng. Đến năm 2005, Giám đốc: Tổng Ngọc Vinh đã chính thức được chuyển nhượng Công Ty Nhị Sơn, từ đó đến nay công ty từ một hợp tác xã đã trở thành một công ty tư nhân do Giám đốc: Tổng Ngọc Vinh làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ số tài sản của mình về mọi hoạt động của công ty. Trải qua những năm hoạt động, sau lần thay đổi loại hình doanh nghiệp từ hợp tác xã sang công ty tư nhân, bất chấp mọi khó khăn về cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Công Ty Nhị Sơn ngày càng bền vững hơn, có được sự phát triển đó chính là nhờ vào sự đồng lòng nhất trí giữa ban lãnh đạo của công ty với đội ngũ nhân viên có trình độ, năng động, yêu nghề đã đưa công ty vượt qua mọi khó khăn. Đến nay, công ty đã tạo được sự uy tín trên thị trường, đóng góp một phần vào ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần tích cực trong việc tạo ra công việc làm cho người lao động.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Hình thức phát lý :

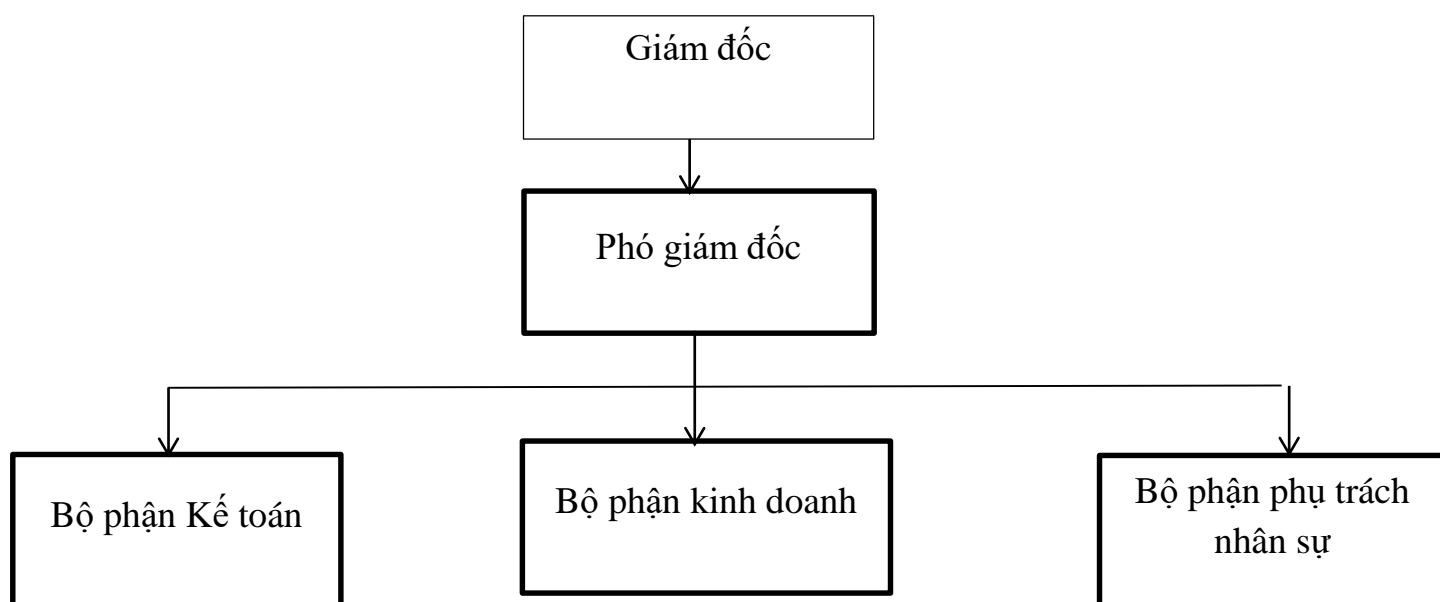
Công ty Nhị Sơn có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, được tổ chức và hoạt động theo quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ của công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh.

❖ Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Những mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty.
 - ✓ Gạch men
 - ✓ Thiết bị vệ sinh.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Sơ đồ của bộ máy tổ chức của công ty Nhị Sơn.



Sơ đồ 2.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý Công ty.

Chức năng nhiệm vụ của mỗi bộ phận sau :

- **Giám đốc**: là người đại diện theo pháp luật của công ty, là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
- Phó giám đốc: là người giúp giám đốc trong việc quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của giám đốc và chịu trách nhiệm trước giám đốc về hậu quả các hoạt động.
- **Bộ phận kế toán**: giúp giám đốc về công tác kế toán thông kê, thông tin kinh tế, các hoạt động liên quan đến quản lý tài chính, quản lý, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán – thông kê; quản lý tài chính, tài sản theo Điều lệ và quy chế tài chính của công ty.

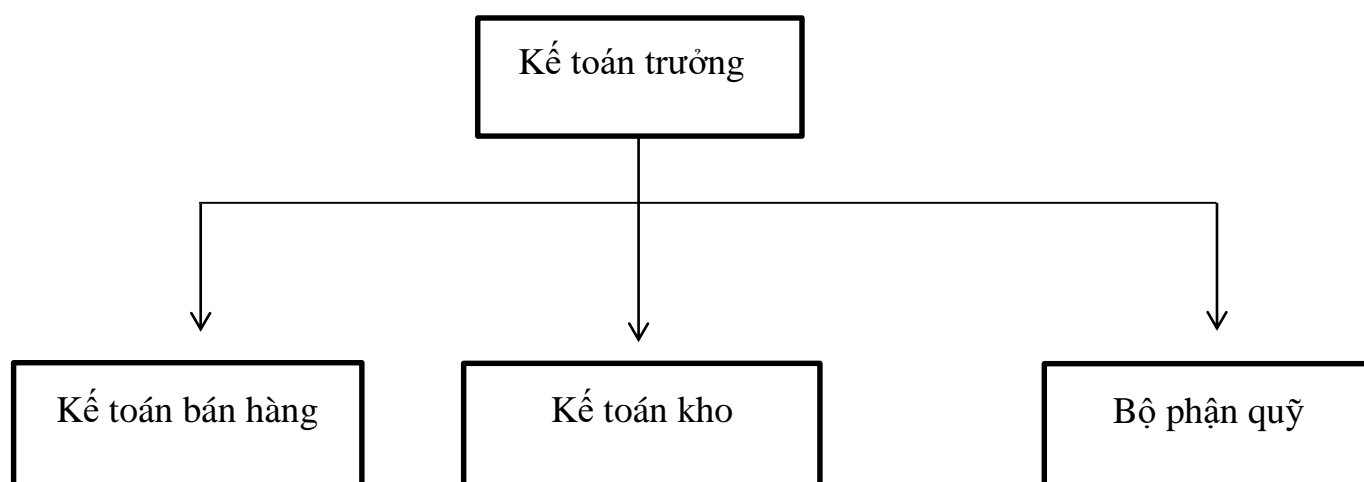
Bộ phận phụ trách nhân sự: chịu trách nhiệm về các công việc có liên quan đến nhân sự của công ty.

- **Bộ phận kinh doanh**: là bộ phận trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động tiếp thị - bán hàng tới các khách hàng và khách hàng tiềm năng của công ty nhằm mục tiêu về doanh số, thị phần, ... Lập các kế hoạch kinh doanh và triển khai thực hiện; thực hiện hoạt động bán hàng tới các khách hàng nhằm mang lại doanh thu cho doanh nghiệp. ..

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty

2.1.4.1. Tổ chức công tác kế toán

Bộ phận kế toán – hành chính.



Chức năng nhiệm vụ của phòng kế toán.

- **Kế toán trưởng**: Xây dựng, tổ chức, quản lý hệ thống bộ máy kế toán. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công việc liên quan đến kế toán trong công ty.
- **Kế toán bán hàng**: Cập nhập các hóa đơn bán hàng, bao gồm hóa đơn bán hàng hóa và hóa đơn bán dịch vụ. Theo dõi tổng hợp và chi tiết bán hàng ra. Tính thuế GTGT của hàng hóa bán ra. Theo dõi các khoản phải thu, tình hình thu tiền và tình trạng công nợ của khách hàng. ..
- **Kế toán kho**: Lập chứng từ nhập xuất, chi phí mua hàng. Hạch toán, gia vốn công nợ nhà cung cấp. Theo dõi công nợ nhà cung cấp, lập biên bản xác minh công nợ theo định kỳ. Lập thẻ TSCD, thẻ theo dõi máy móc – CCDC cầm tay, báo cáo định kỳ. Lập báo cáo tồn kho, báo cáo nhập – xuất – tồn. Kiểm soát nhập – xuất – tồn kho.
- **Bộ phận quỹ**: Người giữ tiền mặt của công ty, căn cứ vào chứng từ thu – chi của Kế toán thanh toán chuyển qua để thi hành. Có nhiệm vụ kiểm tra nội dung phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng, phiếu hoàn tiền tạm ứng... chính xác về thông tin.

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp áp dụng kế toán tại công ty.

- Công ty Nhị Sơn đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC từ ngày 14/09/2006 Bộ trưởng
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng là Đồng Việt Nam, đơn vị tính: Đồng
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: *Phương pháp kê khai thường xuyên*
- Nguyên tắc ghi nhận hàng: *Theo trị giá gốc*
- Tính trị giá xuất kho: *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn)*
- Phương pháp tính thuế GTGT: *Phương pháp khấu trừ*
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: *Phương pháp theo đường thẳng.*

❖ Hệ thống sổ kế toán:

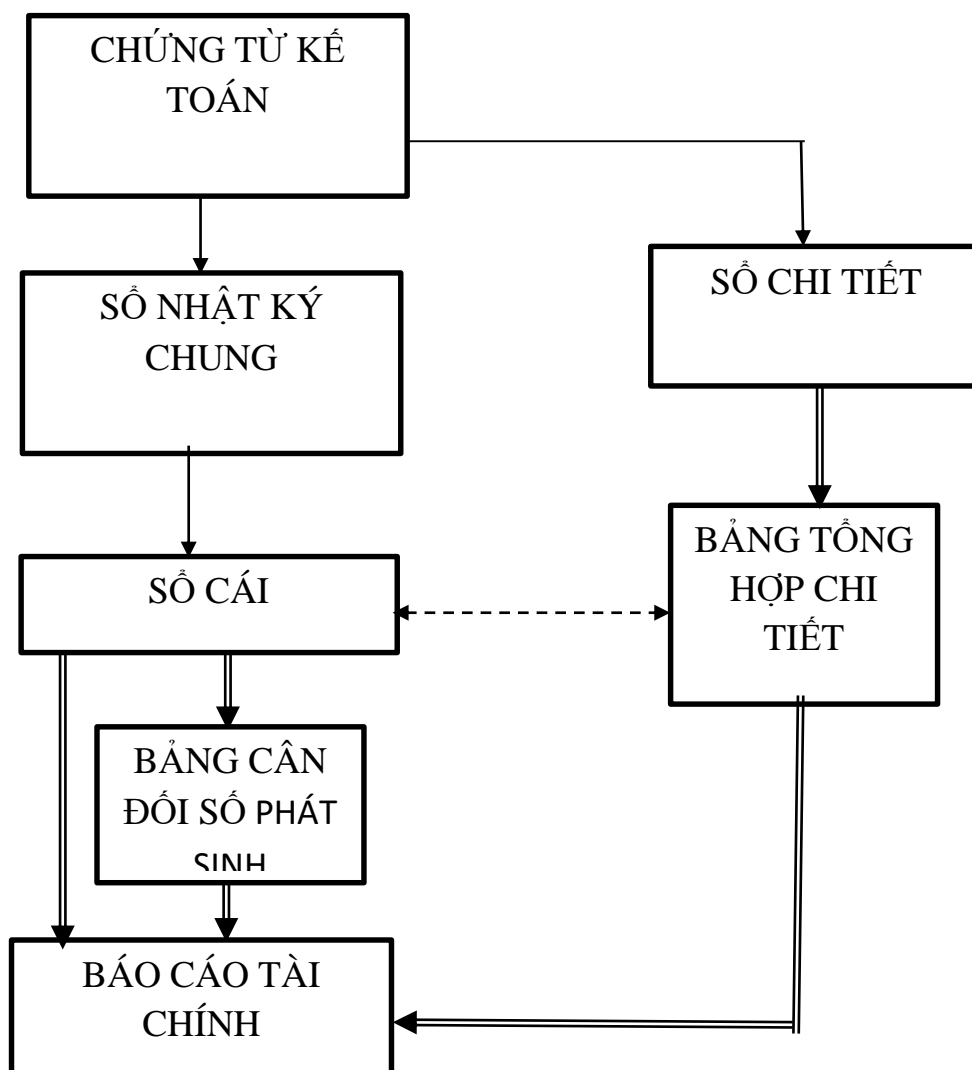
Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: ***Nhật ký chung.***

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật Ký Chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của

ng nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà công ty đang sử dụng bao gồm :

- ✓ Sổ Nhật ký chung
- ✓ Sổ cái
- ✓ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung tại công ty Nhị Sơn

a) Công việc hàng ngày :

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp, đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ chi tiết liên quan.

b) Công việc cuối kỳ

Cuối kỳ, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2. Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại công ty Nhi Sơn

2.2.1 Thủ tục nhập, xuất kho trong công tác kế toán tại công ty

Một trong những yêu cầu của công tác quản lý hàng hóa đòi hỏi phải phản ánh, theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho cho từng nhóm, từng loại hàng hóa cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị. Bằng công việc tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa công ty sẽ đáp ứng được nhu cầu này.

Hạch toán chi tiết hàng hóa là việc hạch toán kết hợp giữa kho và phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho cho từng thứ, từng loại hàng hóa cả về số lượng, chất lượng và giá trị, chủng loại. Kế toán chi tiết ở công ty sử dụng phương pháp thẻ song song và có một số điều chỉnh cho phù hợp với chương trình quản lý hàng hóa.

Nhập hàng hoá:

-Trước hết, căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, lượng hàng hoá dự trữ trong kho và đơn đặt hàng của các khách hàng, bộ phận kinh doanh sẽ lập kế hoạch mua hàng hoá. Khi đã tham khảo bằng báo giá hợp lý, bộ phận kinh doanh trình đưa kế hoạch mua hàng để giám đốc ký xét duyệt. Sau khi thông qua quyết định mua hàng, Giám đốc trực tiếp ký kết hợp đồng mua hàng.

-Hàng hoá mua về phải có hoá đơn GTGT và giấy báo nhận hàng.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Căn cứ vào số liệu thực tế và hoá đơn GTGT hoặc giấy báo nhận hàng, phiếu nhập kho hàng hoá được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuốn

Liên 2: Phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ

Liên 3: Thủ kho giữ để vào thẻ kho

-Trong trường hợp hàng hoá không đúng quy cách phẩm chất thì phải thông báo ngay cho bộ phận kinh doanh cùng bộ phận kế toán lập biên bản xử lý (Có xác nhận của người giao hàng). Thông thường bên bán giao ngay tại kho nên sau khi kiểm tra chỉ nhập kho số hàng hoá đúng phẩm cấp đã ký kết lúc mua, số còn lại không đủ tiêu chuẩn thì trả lại cho người bán.

Giá thực tế hàng hoá nhập kho được tính như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực} \\ \text{tế hàng} \\ \text{hoá} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua ghi} \\ \text{trên hóa đơn} \\ \text{của người} \\ \text{bán} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua thực tế} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm giá hàng} \\ \text{mua} \end{array}$$

Trong đó:

-Giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa có VAT

-Chi phí thu mua là những chi phí phát sinh trong quá trình mua bao gồm: vận chuyển, xếp dỡ, hao hụt tự nhiên,...

-Các khoản thuế không được hoàn lại thường là thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng nhập khẩu.

-Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng là những khoản được giảm giá do hàng kém chất lượng hay mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại.

Xuất hàng hóa

Công ty Nhì Sơn xuất kho để phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại. Hàng hóa sau khi được kiểm tra theo đúng quy định sẽ bắt đầu tiến hành làm thủ tục xuất kho.

-Khách hàng đến mua hàng, bộ phận kinh doanh nhận đơn hàng và chuyển cho kế toán kho. Kế toán kho kiểm tra xem hàng hóa có đủ không và tiến hành lập phiếu xuất kho cho khách hàng.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuốn

Liên 2: Phòng kế toán dùng ghi sổ

Liên 3: Chuyển cho thủ kho

-Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để xuất kho hàng hóa. Kế toán căn cứ phiếu xuất kho để lập hóa đơn GTGT (Giám đốc ký duyệt) và biên bản giao nhận hàng hóa.

-Nhân viên giao nhận hàng hóa nhận hàng và chứng từ gồm: Hóa đơn GTGT và biên bản giao nhận hàng hóa giao cho người mua. (Công ty vận chuyển hay khách hàng tự vận chuyển).

– Cách tính giá hàng xuất kho

Do hàng hoá chính trong công ty không nhiều chủng loại và giá cả cũng tương đối ổn định nên kế toán đã áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá hàng hoá xuất kho. Hàng hoá xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá BQ liên hoàn sau mỗi lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá hàng hóa xuất bán} = \text{Đơn giá bình quân Sau lần nhập thứ } i \times \text{Số lượng từng loại hàng hóa}$$

a. Ví dụ minh họa về thủ tục nhập kho

Nghiệp vụ 1: HDGTGT 00001310, PN 1307, ngày 09/12/2016, Nhập kho gạch men ốp lát KS375(30x30) số lượng 30 hộp từ công ty TNHH CN gốm Bạch Mã. Công ty chưa thanh toán, giá mua chưa thuế VAT 10 %: 102.000đ/hộp.

Tổng giá trị thực tế nhập kho = 30 x 102.000 = 3.060.000 đồng

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10: (Trích phiếu nhập kho 1307)

Đơn vị: Công Ty Nhì Sơn
Địa chỉ: 73, Đường Tô Hiệu, Phường Trại Cau

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo TT số 48/2006/QĐ -
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 1307

Họ, tên người giao : Công ty TNHH CN gồm Bạch Mã

Theo 01 HĐ số 1310 ngày 09 tháng 12 năm 2016

Nhập tại kho: Công ty Nhì Sơn

Nợ	Có
156	331
133	

TT	TÊN HÀNG	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Giá đơn vị	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Gạch men KS375 (30x30)		Hộp	30	30	102.000	3.060.000
	Tổng						3.060.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): *Ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.*

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Phụ trách cung tiêu Người giao hàng Thủ kho

Biểu số 2.2: Biên bản giao nhận hàng hóa

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hải phòng, ngày 09 tháng 12 năm 2016

BÊN GIAO HÀNG : CÔNG TY TNHH CN gốm Bạch Mã

Người đại diện: BÀ NGUYỄN NGỌC LAN Chức vụ : Nhân Viên Kinh Doanh

Địa chỉ: Kho Nhà Máy Đóng Tàu, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai , Tp Hà Nội

BÊN NHẬN HÀNG : CÔNG TY NHỊ SƠN

Người đại diện: BÀ TỔNG THỊ HÀ Chức vụ: Nhân Viên Kinh Doanh

Địa chỉ : : Số 73, đường Tô Hiệu, quận Lê Chân , Tp Hải Phòng

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản giao nhận hàng hóa với nội dung sau :

1 Hàng hóa : Gạch

2 Số container VCL2002385 Số seal 101094

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Gạch men KS375(30x30)	Hộp	30

Kèm theo chứng từ : 01 hóa đơn GTGT

Hàng hóa mới 100%

Biên bản kết thúc vào 16h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị phát lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO HÀNG

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN HÀNG

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 : Giao cho người mua Ngày 09 tháng 12 năm 2016	Mẫu số : 01GTKT2/001 Ký hiệu : AA/16P Số : 00001310				
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH CN gốm Bạch Mã Mã số thuế : 0100319679 Địa chỉ : Kho Nhà Máy Đóng Tàu, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội Điện thoại : (024) 36446555 Fax: (024) 36446553 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng : Tên đơn vị : Công ty Nhị Sơn Mã số thuế : 02002996918 Địa chỉ : Số 73, đường Tô Hiệu, quận Lê Chân, Tp Hải Phòng ĐT : 031.3855393 Số tài khoản : 02001010081706 Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Hải Phòng Hình thức thanh toán : TM/CK					
STT	Tên hàng hóa , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1	Gạch men KS375(30x30)	Hộp	30	102.000	3.060.000
Cộng tiền hàng					3.060.000
Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT					306.000
Tổng cộng tiền thanh toán					3.366.000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Ba triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị			

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nghiệp vụ 2: HDGTGT 0001322, PX1321 ngày 20/12/2016, xuất bán 40 hộp gạch men ốp lát KS375(30x30) cho công ty TNHH 1 thành viên Duyên Hải – Xí nghiệp 7. Công ty chưa thu được tiền

- Cách xác định đơn giá gạch men KS375(30x30) xuất kho như sau:

– Đơn giá bình quân sau lần nhập ngày 9/12 là:

$$\frac{6.060.000}{60} = 101.000 \text{ đồng}$$

– Ngày 20/12/2016 xuất kho 40 hộp cho công ty TNHH 1 Thành Viên Duyên Hải

→ Trị giá xuất : 40 x 101.000 = 4.040.000 đồng

Kế toán tiền hành lập biên bản giao nhận hàng hóa (biểu số 2.7). Phiếu xuất (biểu số 2.8)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7: Biên bản giao nhận hàng hóa

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hải phòng , ngày 20 tháng 12 năm 2016

BÊN GIAO HÀNG : CÔNG TY NHỊ SƠN

Người đại diện : ÔNG NGUYỄN NGỌC CHUNG Chức vụ : Nhân viên giao hàng

Địa chỉ: 73, Tô Hiệu, P.Trại Cau, Q. Lê Chân, Tp Hải Phòng.

BÊN NHẬN HÀNG : CÔNG TY TNHH 1 thành viên Duyên Hải

Người đại diện: Bà Thắm Phương Thu Chức vụ : Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ : 238 Lê Duẩn , P.Bắc Sơn , Q.Kiến Anh , TP.Hải Phòng

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản giao nhận hàng hóa với nội dung sau :

1 Hàng hóa : Gạch ốp lát 30x30

2 Số container Số seal

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Gạch men KS375(30x30)	Hộp	40

Kèm theo chứng từ : 01 hóa đơn GTGT

Hàng hóa mới 100%

Biên bản kết thúc vào 10h cùng ngày . Hai bên đều thống nhất ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản , mỗi bên giữ 01 bản có giá trị phát lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO HÀNG

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN HÀNG

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công Ty Nhì Sơn
Địa chỉ: 73, Đường Tô Hiệu, Phường Trại Cau

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo TT số 48/2006/QĐ -
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số 1321

Họ, tên người nhận : Công ty TNHH 1 thành viên Duyên Hải

Theo 01 HĐ số 401 ngày 20 tháng 12 năm 2016

Xuất tại kho: Công ty Nhì Sơn

TT	TÊN HÀNG	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Giá đơn vị	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Gạch men KS375(30x30)		Hộp	40	40	101.000	4.040.000
	Tổng						4.040.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): *Bốn triệu không trăm bốn nghìn đồng chẵn.*

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Phụ trách cung tiêu Người nhận hàng Thủ kho

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nghiệp vụ 3: HDGTGT1390, Phiếu nhập 1308, ngày 10/12/2016. Nhập kho vòi hoa sen HD1100. Số lượng 80 chiếc từ công ty TNHH Dịch Vụ Và Sản Xuất Anh Hiêu. Công ty chưa thanh toán. Giá mua chưa thuế VAT 10%: 104.000/chiếc.

Tổng giá trị thực tế nhập kho = $80 \times 104.000 = 8.320.000$ đồng

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10: Biên bản giao nhận hàng hóa

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hải phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2016

BIÊN GIAO HÀNG : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT ANH HIẾU

Người đại diện: BÀ NGUYỄN NGỌC HÀ Chức vụ: Nhân Viên Kinh Doanh

Địa chỉ: Khu công nghiệp Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội

BIÊN NHẬN HÀNG : CÔNG TY NHỊ SƠN

Người đại diện: ÔNG PHẠM VĂN SƠN Chức vụ: Nhân Viên Kinh Doanh

Địa chỉ: Số 73, đường Tô Hiệu, quận Lê Chân, Tp Hải Phòng

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản giao nhận hàng hóa với nội dung sau:

1 Hàng hóa : Vòi hoa sen

2 Số container: VCL2002456 Số seal: 101096

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vòi hoa sen HD1100	Chiếc	80

Kèm theo chứng từ : 01 hóa đơn GTGT

Hàng hóa mới 100%

Biên bản kết thúc vào 16h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị phát lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO HÀNG

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN HÀNG

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11: (Trích phiếu nhập kho 1381)

Đơn vị: Công Ty Nhì Sơn
Địa chỉ: 73, Đường Tô Hiệu, Phường Trại Cau

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo TT số 48/2006/QĐ -
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 1308

Họ, tên người giao : Công ty TNHH Dịch vụ và Sản xuất Anh Hiêu

Theo 01 HĐ số 1390 ngày 10 tháng 12 năm 2016

Nhập tại kho: Công ty Nhì Sơn

Nợ	Có
156 133	331

TT	TÊN HÀNG	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Giá đơn vị	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Vòi hoa sen HD1100		Chiếc	80	80	104.000	8.320.000
	Tổng						8.320.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Phụ trách cung tiêu Người giao hàng Thủ kho

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nghiệp vụ 4: Hóa đơn GTGT0001402, Phiếu xuất 1322. Ngày 20/12/2016 công ty xuất kho 60 vôi hoa sen HD1100 cho cửa hàng Đại Tín, Hồ Sen, Hải Phòng, cửa hàng Đại tín chưa thanh toán.

- Cách xác định đơn giá vôi hoa sen

Trị giá vôi hoa sen tồn đầu kỳ là: 2.060.000đồng. Trong đó: số lượng hàng hóa tồn kho là 20 chiếc, đơn giá hàng tồn kho là 103.000đ/chiếc.

+ Ngày 10/12/2016: Công ty nhập kho vôi hoa sen số lượng: 80 chiếc, đơn giá nhập kho là: 104.000đồng/chiếc, tổng trị giá nhập kho vôi hoa sen: 8.320.000đồng

+ Ngày 20/12/2016: Công ty xuất bán 60 chiếc vôi hoa sen

- Đơn giá bình quân của vôi hoa sen ngày 10/12/2016 tính như sau :

Đơn giá bình quân vôi hoa sen:

$$\frac{10.380.000}{100} - 103.800\text{đ/chiếc}$$

- Từ ngày 11/12/2016 đến 19/12/2016 không nhập thêm.
- Ngày 20/12/2016 xuất kho 60 chiếc cho cửa hàng Đại Tín, Hồ Sen
- Trị giá xuất: $60 \times 103.800 = 6.228.000$ đồng

Kế toán tiền hành lập biên bản giao nhận hàng hóa (biểu số 2.12). Phiếu xuất (biểu số 2.13)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.12: Biên bản giao nhận hàng

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hải phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2016

BÊN GIAO HÀNG: *CÔNG TY NHỊ SƠN*

Người đại diện: ÔNG NGUYỄN NGỌC CHIẾN Chức vụ: Nhân viên giao hàng

Địa chỉ: 73 Tô Hiệu, P.Trại Cau, Q.Lê Chân, Tp Hải Phòng

BÊN NHẬN HÀNG: *CỬA HÀNG ĐẠI TÍN*

Người đại diện: BÀ DƯƠNG MINH TRANG Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: 168 Hồ Sen, P.Trại Cau, Q.Lê Chân, Tp Hải Phòng

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản giao nhận hàng hóa với nội dung sau :

1 Hàng hóa: Vòi hoa sen

2 Số container Số seal

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vòi hoa sen HD1100	Chiếc	60

Kèm theo chứng từ: 01 hóa đơn GTGT

Hàng hóa mới 100%

Biên bản kết thúc vào 15h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị phát lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO HÀNG

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN HÀNG

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công Ty Nhì Sơn
Địa chỉ: 73, Đường Tô Hiệu, Phường Trại Cau

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo TT số 48/2006/QĐ -
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số 1322

Họ, tên người nhận: Cửa hàng Đại Tín

Theo 01 HĐ số 1402 ngày 20 tháng 12 năm 2016

Nhập tại kho: Công ty Nhì Sơn

TT	TÊN HÀNG	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Giá đơn vị	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Vòi hoa sen HD1100		Chiếc	60	60	103.800	6.228.000
	Tổng						6.228.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Sáu triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng.

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Phụ trách cung tiêu Người nhận hàng Thủ kho

2.2.2 Kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty

- Phương pháp hạch toán hàng hóa: kê khai thường xuyên
- Quy trình luân chuyển chứng từ: phương pháp thẻ song song
- ❖ Tại kho: Thủ kho theo dõi lượng nhập, xuất trên thẻ kho đồng thời nắm vững bất kỳ thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại từng loại hàng hóa, sẵn sàng xuất bán khi có yêu cầu. Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ nhập, xuất phát sinh thủ kho tiến hành ghi chéo tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại hàng hóa vào Thẻ kho chi tiết từng loại theo số lượng. Đến cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng hàng hóa tồn kho thực tế so với số liệu trên thẻ kho.

$$\text{Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ} = \text{Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ} + \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá hàng tồn kho xuất trong kỳ}}$$

- ❖ Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết cho từng loại hàng hóa tương ứng với thẻ kho. Hàng ngày, khi nhận được chứng từ nhập, xuất kho hàng do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra đơn giá, thành tiền và ghi vào sổ chi tiết hàng hóa theo dõi từng loại mặt hàng. Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu trên sổ chi tiết sau đó đối chiếu với thẻ kho của thủ kho về số lượng. Căn cứ vào sổ chi tiết Xuất – Nhập – Tồn hàng hóa. Căn cứ vào bảng Xuất – Nhập – Tồn hàng hóa, kế toán đối chiếu số liệu với sổ kế toán tổng hợp (sổ cái TK 156).

Tiếp ví dụ 1: HDGTGT 00001 310, PN1307, ngày 09/12/2016, Nhập kho gạch men ốp lát KS375(30x30) số lượng 30 hộp từ công ty TNHH CN gồm Bạch Mã, chưa thanh toán, đơn giá nhập kho chưa thuế VAT 10 %: 102.000đ/hộp

- Ở kho: Căn cứ vào phiếu nhập kho số 1307, thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.14)
- Ở phòng kế toán: kế toán chi tiết hàng hóa tồn kho căn cứ vào chứng từ phát sinh tiến hành ghi sổ chi tiết hàng hóa tương ứng (Biểu số 2.16). Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa, kế toán lập sổ tổng hợp xuất – nhập – tồn (Biểu số 2.18)

Tiếp ví dụ 2: HDGTGT 00001322, PX 1321, ngày 20/12/2016, xuất bán 40 hộp gạch men ốp lát KS375(30x30) cho công ty TNHH Duyên Hải-Xí Nghiệp 7.

- Ở kho: Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất số 1321 ngày 20/12/2016 (biểu số 2.8) để ghi vào thẻ kho (biểu số 2.14)
- Ở phòng kế toán: Căn cứ vào phiếu xuất số 1321 ngày 20/12/2016 (biểu số 2.8), kế toán chi tiết hàng hóa vào sổ chi tiết hàng hóa cho sản phẩm gạch men KS375 (30x30). Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa, kế toán lập bảng tổng hợp xuất – nhập – tồn. (Biểu số 2.18)

Tiếp ví dụ 3: HĐGTGT1390, Phiếu nhập 1308, ngày 10/12/2016. Nhập kho vòi hoa sen HD1100. Số lượng 80 chiếc từ công ty TNHH Dịch vụ và Sản xuất Anh Hiếu. Công ty chưa thanh toán. Giá mua chưa thuế VAT 10%. Đơn giá nhập kho: 104.000/Chiếc

- Ở kho: Căn cứ vào phiếu nhập kho số 1308, thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.15)
- Ở phòng kế toán: kế toán chi tiết hàng hóa tồn kho căn cứ vào chứng từ phát sinh tiến hành ghi sổ chi tiết hàng hóa tương ứng (Biểu số 2.17). Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa, kế toán lập sổ tổng hợp xuất – nhập – tồn (Biểu số 2.18)

Tiếp ví dụ 4: Hóa đơn GTGT0001402, Phiếu xuất 1322. Ngày 20/12/2016 công ty xuất kho 60 chiếc vòi hoa sen HD1100 cho cửa hàng Đại Tín, Hồ Sen, Hải Phòng. Cửa hàng chưa thanh toán, giá bán chưa thuế 10%, Đơn giá xuất: 103.800/chiếc.

- Ở kho: Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất số 1322 ngày 20/12/2016 (biểu số 2.13) để ghi vào thẻ kho (biểu số 2.15)
- Ở phòng kế toán: Căn cứ vào phiếu xuất số 1322 ngày 20/12/2016 (biểu số 2.13), kế toán chi tiết hàng hóa vào sổ chi tiết hàng hóa cho sản phẩm vòi hoa sen HD1100. Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa, kế toán lập bảng tổng hợp xuất – nhập – tồn. (Biểu số 2.18)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14: Thẻ kho

Đơn vị: Công Ty Nhì Sơn

Địa chỉ: 73 Tô Hiệu, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

Mẫu số S09 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ 01/12/2016

- Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư: Gạch men ốp lát KS375(30 x 30)

- Đơn vị tính: Hộp

Số TT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<i>Tồn đầu tháng 12</i>				30	
1	02/12/2016	PN1302		Mua gạch men nhập kho	02/12/2016	20		50	
2	03/12/2016		PX1303	Xuất gạch men 30x30	03/12/2016		5	45	
3	04/12/2016		PX1304	Xuất bán gạch men 30x30	04/12/2016		10	35	
4	
5	09/12/2016	PN1307		Nhập kho gạch men 30x30	09/12/2016	30		60	
6	20/12/2016		PX1321	Xuất kho gạch men 30x30	20/12/2016		40	20	
...	
				<i>Cộng số phát sinh</i>		245	166		
				<i>Tồn cuối kỳ</i>				109	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15: Thẻ kho

Đơn vị: Công Ty Nhì Sơn

Địa chỉ: 73 Tô hiệu, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

Mẫu số S09 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỐ KHO)

Ngày lập thẻ 01/12/2016

- Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư: Vòi hoa sen HD1100
- Đơn vị tính: chiếc

Số TT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<i>Tồn đầu tháng 12</i>				20	
1	10/12/2016	PN1308		Mua vòi hoa sen nhập kho	10/12/2016	80		100	
2	10/12/2016		PX1310	Xuất bán vòi hoa sen	10/12/2016		15	85	
3	
4	20/12/2016		PX1322	Xuất bán vòi hoa sen	20/12/2016		60	30	
5	26/12/2016		PX1328	Xuất bán vòi hoa sen	26/12/2016		5	25	
....	
				<i>Cộng số phát sinh</i>		120	100		
Tồn cuối kỳ								40	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Sổ chi tiết hàng hóa

Đơn vị: Công Ty Nhì Sơn

Địa chỉ: 73 Tô hiệu, Q.Lê Chân , TP.Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tháng 12 năm 2016

Tài khoản: 156

Tên hàng hóa: Gạch men ốp lát KS375(30x30)

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<i>Số dư đầu T12/2016</i>		<i>100.000</i>					<i>30</i>	<i>3.000.000</i>
PN1302	02/12	Nhập gạch men 30x30	331	102.000	20	2.040.000			50	5.040.000
PX1303	03/12	Xuất gạch men 30x30	632	100.800			5	504.000	45	4.536.000
PX1304	04/12	Xuất gạch men 30x30	632	100.800			10	1.008.000	35	3.528.000
...
PN1307	09/12	Nhập gạch men 30x30	331	102.000	30	3.060.000			60	6.060.000
PX1321	20/12	Xuất gạch men 30x30	632	101.000			40	4.040.000	20	2.020.000
		...								
		<i>Cộng SPS</i>			<i>245</i>	<i>24.990.000</i>	<i>166</i>	<i>16.981.000</i>		
		<i>Số dư cuối T12</i>		<i>101.000</i>					<i>109</i>	<i>11.009.000</i>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Sổ chi tiết hàng hóa

Đơn vị: Công ty Nhị Sơn

Địa chỉ: 73 Tô Hiệu, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tháng 12 năm 2016

Tài khoản: 156

Tên hàng hóa: Vòi hoa sen HD1100

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<i>Tồn đầu tháng 12</i>		<i>103.000</i>					<i>20</i>	<i>2.060.000</i>
PN1308	10/12	Nhập kho vòi hoa sen	331	104.000	80	8.320.000			100	10.380.000
PX1310	10/12	Xuất bán vòi hoa sen	632	103.800			15	1.557.000	85	8.823.000
...
PX1322	20/12	Xuất bán vòi hoa sen	632	103.800			60	6.228.000	30	3.114.000
PX1328	26/12	Xuất bán vòi hoa sen	632	103.800			5	519.000	25	2.595.000
		...								
		<i>Cộng SPS</i>			<i>120</i>	<i>12.480.000</i>	<i>100</i>	<i>10.388.000</i>		
		<i>Tồn cuối T12</i>		<i>103.800</i>					<i>40</i>	<i>4.152.000</i>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18: Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn

Đơn vị: Công ty Nhì Sơn

Địa chỉ: 73 Tô Hiệu, Q, Lê Chân, TP.Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN

Tháng 12/ 2016

Tài khoản: 156 Tên tài khoản: Hàng hóa

T T	Tên hàng hóa	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Gạch men ốp lát KS375(30X30)	Hộp	30	3.000.000	245	24.990.000	166	16.981.000	109	11.009.000
2	Vòi hoa sen HD110	Chiếc	20	2.060.000	120	12.480.000	100	10.388.000	40	4.152.000
3	Bồn rửa mặt	Chiếc	0	0	5	8.350.000	4	6.600.000	1	1.750.000

	Cộng			893.562.869		1.147.125.738		1.139.991.261		900.697.346

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

2.3. Kế toán tổng hợp hàng hóa tại công ty

*Tài khoản sử dụng

Để quản lý tình hình nhập hàng và xuất hàng tồn kho của công ty và vì công ty không sản xuất sản phẩm kế toán sử dụng **TK 156 – Hàng hóa**.

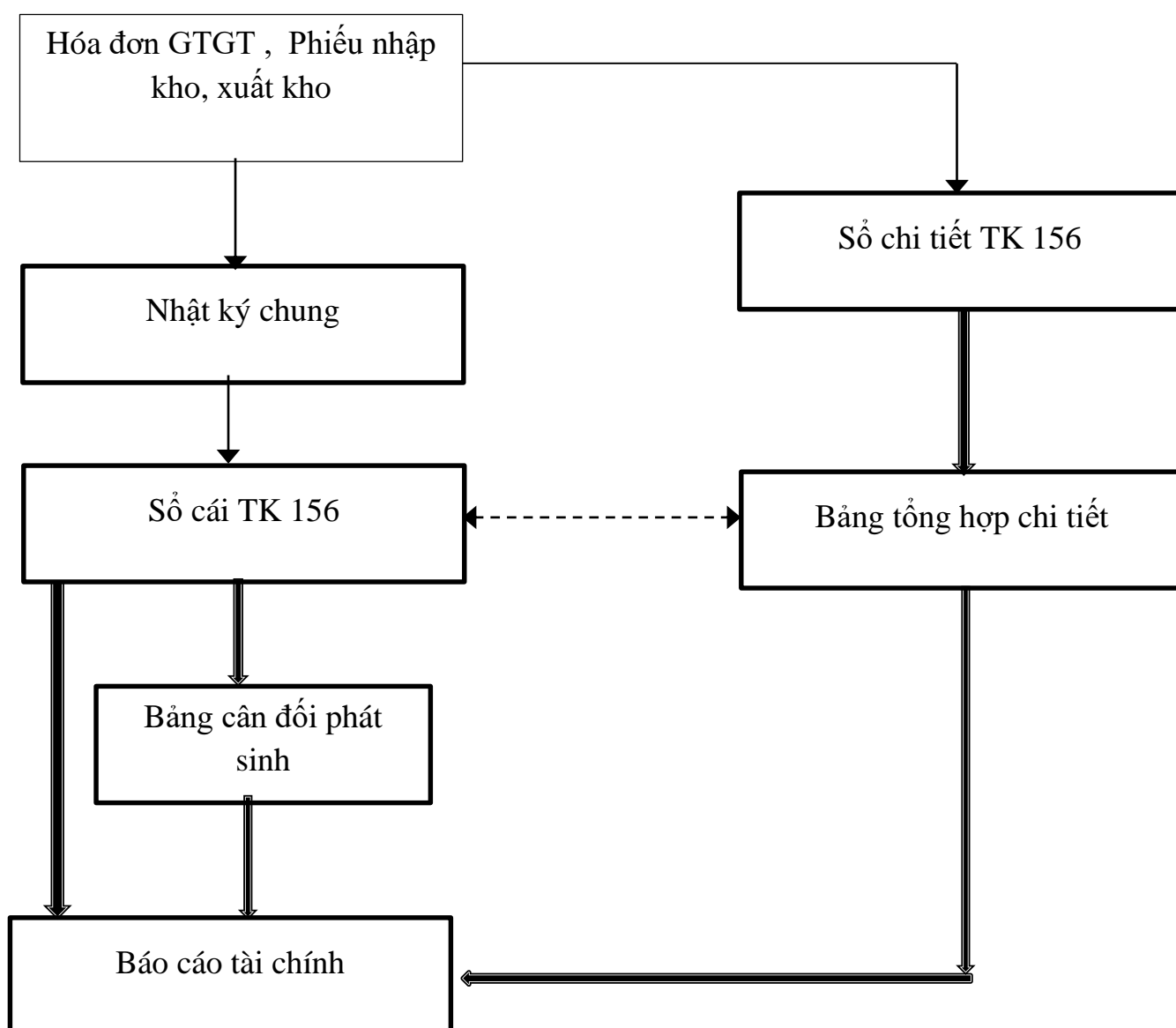
Các tài khoản liên quan như :

- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 331: phải trả người bán
- TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ
- TK 632: Giá vốn hàng bán

*Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ kho (Mẫu số S009-DNN)
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có của ngân hàng, ...
- Và các chứng từ khác liên quan

Căn cứ vào hóa đơn GTGT mua hàng phát sinh trong kỳ, kế toán ghi số liệu vào các sổ liên quan. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các sổ Nhật Ký Chung, sổ Cái, sổ Chi tiết hàng hóa ...



Sơ đồ 2.4: Trình tự hạch toán kế toán tổng hợp hàng hóa tại công ty.

Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi định kỳ hoặc cuối tháng
- ←----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho kế toán phản ánh các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung. Từ số liệu Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK156, 133, 331, ...
- Đồng thời, từ chứng từ gốc, kế toán phản ánh nghiệp vụ vào sổ chi tiết hàng hóa.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng với số liệu ghi trên sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

-Tiếp theo của các ví dụ trên:

Tiếp ví dụ 1: HDGTGT 00001310, PN 1307, ngày 09/12/2016, Nhập kho gạch men ốp lát KS375 (30x30) số lượng 30 hộp từ công ty TNHH CN gốm Bạch Mã. Công ty chưa thanh toán, giá mua chưa thuế VAT 10 % là: 102.000đ/hộp
Căn cứ vào các chứng từ kế toán phát sinh, kế toán phản ánh vào Nhật Ký Chung (Biểu số 2.19). Từ sổ Nhật Ký Chung, kế toán ghi vào Sổ Cái Tài Khoản 156 (Biểu số 2.20)

Tiếp ví dụ 2: HDGTGT 00001322, PX 1321, ngày 20/12/2016, xuất bán 40 hộp gạch men ốp lát KS375(30x30) cho công ty TNHH Duyên Hải-Xí Nghiệp 7.
Từ phiếu xuất kho và các chứng từ có liên quan kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào Nhật Ký Chung (Biểu số 2.19). Từ sổ Nhật Ký Chung kế toán ghi sổ Tài Khoản 156 (Biểu số 2.20)

Tiếp ví dụ 3: HDGTGT1390, Phiếu nhập 1308, ngày 10/12/2016. Nhập kho vòi hoa sen HD1100. Số lượng 80 chiếc từ công ty TNHH Dịch vụ và Sản xuất Anh Hiếu. Công ty chưa thanh toán. Giá mua chưa thuế VAT 10%. Đơn giá nhập kho: 104.000/chiếc

Căn cứ vào các chứng từ kế toán phát sinh, kế toán phản ánh vào Nhật Ký Chung (Biểu số 2.19). Từ sổ Nhật Ký Chung, kế toán lập sổ Tài Khoản 156 (Biểu số 2.20)

Tiếp ví dụ 4: Hóa đơn GTGT0001402, Phiếu xuất 1322. Ngày 20/12/2016 công ty xuất kho 60 chiếc vòi hoa sen HD1100 cho cửa hàng Đại Tín, Hồ Sen, Hải Phòng. Cửa hàng chưa thanh toán, giá bán chưa thuế 10%, Đơn giá xuất: 103.800/chiếc

Từ phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào Nhật Ký Chung (Biểu số 2.19). Từ sổ Nhật Ký Chung, kế toán lập sổ Tài Khoản 156 (Biểu số 2.20)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.19: Trích Nhật ký chung :

Đơn vị: Công Ty Nhì Sơn
Địa chỉ: 73, Đường Tô Hiệu, Phường Trại Cau

Mẫu số S03a – DNN
 (Ban hành theo TT số 48/2006/QĐ -
 ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...
02/12	PN1302	02/12	Nhập gạch men 30x30	156 133 331	2.040.000 204.000	2.244.000
03/12	PX1303	03/12	Xuất gạch men 30x30	632 156	504.000	504.000
04/12	PX1304	04/12	Xuất gạch men 30x30	632 156	1.008.000	1.008.000
...
09/12	PN1307	09/12	Nhập gạch men 30x30	156 133 331	3.060.000 306.000	3.366.000
10/12	PN1308	10/12	Nhập vôi hoa sen	156 133 331	8.320.000 832.000	9.152.000
10/12	PX1310	10/12	Xuất vôi hoa sen	632 156	1.557.000	1.557.000
...
20/12	PX1321	20/12	Xuất gạch men 30x30	632 156	4.040.000	4.040.000
20/12	PX1322	20/12	Xuất vôi hoa sen	632 156	6.228.000	6.228.000
...
Tổng cộng					81.156.253.779	81.156.253.779

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.20: (Trích sổ cái năm 2016)

Đơn vị: Công Ty Nhì Sơn
Địa chỉ: 73, Đường Tô Hiệu, Phường Trại Cau

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT số 48/2006/QĐ -
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Hàng hóa

Số hiệu tài khoản: 156

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	B	1	2	3
			Số dư đầu kỳ		893.562.869	
02/12	PN1302	02/12	Nhập gạch men 30x30	331	2.040.000	
03/12	PX1303	03/12	Xuất gạch men 30x30	632		504.000
04/12	PX1304	04/12	Xuất gạch men 30x30	632		1.008.000
...
09/12	PN1307	09/12	Nhập gạch men 30x30	331	3.060.000	
10/12	PN1308	10/12	Nhập vôi hoa sen	331	8.320.000	
10/12	PX1310	10/12	Xuất vôi hoa sen	632		1.557.000
....
20/12	PX1321	20/12	Xuất gạch men 30x30	632		4.040.000
20/12	PX1322	20/12	Xuất vôi hoa sen	632		6.228.000
...
			Cộng số phát sinh tháng		1.147.125.738	1.139.991.261
			Số dư cuối kỳ		900.697.346	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY NHỊ SƠN.

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại công ty Nhị Sơn.

Qua 12 năm công ty chính thức bước vào hoạt động kinh doanh với tư cách là công ty tư nhân. Công ty Nhị Sơn là một công ty tư nhân chuyên cung cấp, kinh doanh gạch men và thiết bị vệ sinh. Công ty dần dần khẳng định chỗ đứng trên thị trường. Các hợp đồng công ty thực hiện, thể hiện được chất lượng, đảm bảo uy tín đem lại cho khách hàng niềm tin tưởng cùng với sự thoải mái tối đa và hài lòng khi sử dụng những sản phẩm của công ty. Có được kết quả trên là sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ, công nhân viên trong công ty từ việc định hướng phát triển đến khâu thực hiện. Từ đó công ty đã đạt được kết quả sau :

- Về công tác quản lý: Mô hình quản lý công ty khá khoa học, phù hợp với yêu cầu quản lý trong đơn vị, do đó hoạt động hiệu quả. Với mô hình quản lý trực tiếp với quy mô vừa, các bộ phận chức năng được phân công rõ ràng đã tạo điều kiện cho nhà quản lý cấp cao nắm được tình hình của công ty mình một cách chính xác và nhanh nhất từ đó đưa ra các quyết định quản lý phù hợp và kịp thời.

- Về bộ máy kế toán: Số lượng nhân viên kế toán vừa đủ cho 1 công ty có mô hình tư nhân quản lý, phù hợp với lượng công việc hàng ngày, không gây chồng chéo, việc tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung nên kế toán trưởng có thể nắm rõ được các công việc kế toán và có các điều chỉnh kịp thời. Đội ngũ kế toán có trình độ, năng lực nên đảm bảo được chất lượng công việc kế toán. Đặc biệt, về tin học hóa kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán đã tạo điều kiện cho công tác kế toán nhanh gọn, vừa đảm bảo tính thống nhất.

- Hệ thống chứng từ kế toán: Chứng từ vừa là cơ sở hạch toán vừa là cơ sở pháp lý cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Nhìn chung hệ thống chứng từ của công ty ban đầu kiểm tra khá chặt chẽ, hợp lý đảm bảo tính đúng đắn của số liệu. Công ty sử dụng hệ thống chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính và một số chứng từ khác theo quy định của ngành. Sau khi luân chuyển chứng từ được lưu ở tập hồ sơ cho từng mảng riêng biệt nên dễ dàng kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết việc lập và luân chuyển chứng từ được thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành của nhà nước.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Hệ thống tài khoản được sử dụng dựa theo hệ thống tài khoản của chế độ kế toán Việt Nam và cụ thể hơn của Công ty cho phù hợp với đặc điểm của ngành kinh doanh.

- Công ty áp dụng bộ sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung và phương pháp kê khai thường xuyên.

- Công ty áp dụng kế toán hàng hóa, hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên là phù hợp với đặc điểm kinh doanh và quy mô của công ty.

- Quy trình hạch toán các nghiệp vụ: các nghiệp vụ phát sinh trong công ty tương đối đơn giản, phổ biến, do vậy quy trình hạch toán các nghiệp vụ phù hợp với những quy định của chế độ kế toán vừa và nhỏ.

3.1.1. Ưu điểm

+ Tổ chức quản lý kinh doanh

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà tăng trưởng khá nhanh và ổn định. tạo cơ hội to lớn để công ty mở rộng quy mô kinh doanh như phạm vi hoạt động của hội nhập, đã tạo ra tế lực cho các doanh nghiệp Việt Nam, tránh tình trạng bị phân biệt đối xử, các phòng ban chịu sự giám sát của lãnh đạo, phân công công việc theo hướng chuyên môn hóa sẽ làm giảm áp lực cho lãnh đạo.

+ Tổ chức công tác kế toán

Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung. Mọi chứng từ sổ sách đều tập trung về phòng kế toán chịu sự kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Vì vậy, số liệu được luân chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng, đúng trình tự.

Phòng kế toán với đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình, ham học hỏi. Hiện nay với yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, phòng kế toán thường xuyên chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các kế toán, tất cả cán bộ kế toán đều có trình độ đại học, luôn phấn đấu trong công tác kế toán góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao trong công ty.

❖ Hệ thống tài khoản: Công ty Nhị Sơn áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quy định của Nhà Nước.

❖ Hệ thống chứng từ: Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều dùng đúng theo mẫu biểu mà Bộ Tài Chính ban hành từ: phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập... Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

❖ Hệ thống sổ sách: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung, hình thức này tương đối đơn giản, đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty, giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy. Như vậy, hình thức nhật ký chung đã đáp ứng yêu cầu hạch toán kế toán và quản lý của Công ty

➤ Tổ chức kế toán hàng tồn kho nói chung và công tác kế toán hàng hóa nói riêng tại Công ty Nhị Sơn phù hợp với phương pháp kế toán, hệ thống sổ sách, chứng từ, đảm bảo sự thống nhất giúp cho nhà nước có thể kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp.

+ *Tổ chức kế toán hàng hóa*

– Trong công tác theo dõi hàng hóa nhập – xuất – tồn trong kỳ kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ tình hình biến động tăng giảm hàng hóa lên hệ thống sổ sách công ty.

– Công ty Nhị Sơn đã xây dựng một quy trình nhập – xuất kho tương đối hoàn thiện: Chẳng hạn, đối với hoạt động nhập kho, dựa vào kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch dự trữ hàng tồn kho, lập đơn đặt hàng hoặc thỏa thuận các hợp đồng mua hàng, nhập kho hàng hóa.

– Đối với hoạt động xuất kho, công ty đã xây dựng quy trình xuất kho phù hợp. Đảm bảo các căn cứ ghi sổ phù hợp với chuẩn mực kế toán.

❖ Về kế toán chi tiết hàng hóa: Công ty Nhị Sơn hạch toán chi tiết hàng hóa tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song, đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu. Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song là dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu. Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Trong công tác hạch toán chi tiết hàng tồn kho tại công ty, giữa phòng kế toán và thủ kho luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thủ kho theo dõi hàng hóa, quản lý chi tiết hàng hóa, kế toán theo dõi chi tiết hàng hóa thông qua sổ chi tiết hàng hóa. Cùng với đó, công ty luôn chú trọng đến công tác đối chiếu giữa sổ kế toán chi tiết với thẻ kho, đối chiếu số liệu trên Bảng Tổng

Hợp Nhập – Xuất – Tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp để đảm bảo tính hợp lý, chính xác.

❖ Về kế toán tổng hợp hàng hóa tồn kho: Tại công ty Nhị Sơn, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên bất cứ thời điểm nào cũng tính được trị giá nhập – xuất, tăng giảm hiện có của hàng hóa. Như vậy, công ty có điều kiện để quản lý tốt hàng hóa và hạch toán chặt chẽ đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại công ty.

❖ Về phương pháp tính giá hàng tồn kho: Công ty Nhị Sơn tính giá trị hàng hóa tồn kho theo phương pháp bình quân liên hoàn là phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Với việc áp dụng phương pháp này giúp kế toán của công ty đảm bảo tính kịp thời của số liệu, vừa phản ánh được tình hình biến động của thị trường.

3.1.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những kết quả đạt được về công tác kế toán nói chung và kế toán hàng hoá nói riêng, tại công ty vẫn còn những tồn tại nhất định cần phải tiếp tục cải thiện

✓ **Thứ nhất:** Về phương pháp ghi chép sổ sách kế toán: việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty chủ yếu là thủ công, công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

✓ **Thứ hai:** Công ty chưa xây dựng danh điểm hàng hóa nên việc theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn hàng hóa của công ty còn chưa được kịp thời và hiệu quả.

✓ **Thứ ba:** Tại công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Mặc dù cuối năm 2016 có phát sinh giảm giá một số mặt hàng, việc đó có thể gây ra rủi ro trong việc tính giá thành sản phẩm làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

✓ **Thứ tư:** công tác kiểm kê hàng tồn kho tại công ty chưa được thực hiện thường xuyên, cuối năm công ty mới tiến hành công tác kiểm kê nên không phát hiện kịp thời được sự mất mát, hư hỏng hàng tồn kho để xử lý kịp thời.

3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty Nhi Sơn.

3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty.

– Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý đã khẳng định vai trò, vị trí của thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán là công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra và tính toán hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

– Khi xu thế cạnh tranh ngày càng lành mạnh giữa các doanh nghiệp, giá cả là yếu tố cốt yếu quyết định “số phận” của sản phẩm, lợi nhuận của công ty. Hàng hóa là yếu tố quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp thương mại. Hạch toán kế toán hàng tồn kho đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của mình trên thị trường, do vậy công tác hạch toán kế toán hàng hóa là vấn đề không thể thiếu trong các doanh nghiệp thương mại.

– Công ty Nhi Sơn mặc dù đã có rất nhiều cố gắng trong tổ chức công tác quản lý, công tác hạch toán kế toán hàng hóa song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng nhu cầu của thị trường nhằm tăng lợi nhuận. Do đó việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác quản lý và hạch toán là vô cùng quan trọng.

– Việc hoàn thiện sẽ giúp công ty có phương hướng khắc phục những điểm yếu trong công tác kế toán hàng hóa, giúp lãnh đạo có thể nắm được tình hình hoạt động kinh doanh để có kế hoạch tốt hơn.

– Việc hoàn thiện sẽ giúp cho phòng kế toán làm việc hiệu quả hơn, khai thác tốt tiềm năng của mỗi người.

– Việc hoàn thiện sẽ giúp kế toán hàng hóa nắm bắt số lượng, giá trị hàng hóa, đảm bảo chất lượng và hàng kém chất lượng và hàng bán chậm...để kịp thời đưa ra hướng giải quyết.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán.

Nền kinh tế ngày càng mở rộng, phát triển không chỉ riêng với nước ta mà còn với các nước trên thị trường. Để phù hợp với xu hướng đó, nhà nước ta đã ban hành những chính sách, chuẩn mực và thông tư hướng dẫn cụ thể đối với từng lĩnh vực kinh tế xã hội. Nhiệm vụ của mỗi thành phần kinh tế là vận dụng

sao cho đúng, cho đủ và hợp lý trong lĩnh vực của mình để đem lại hiệu quả hoạt động sản xuất, góp phần phát triển nền kinh tế trong nước, hội nhập và mở rộng nền kinh tế thế giới.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hạch toán kế toán tại công ty Nhì Sơn là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư hướng dẫn... phù hợp với đặc điểm đơn vị mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành pháp luật mà còn có vai trò quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp cần đáp ứng.

– Chấp hành nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán mà bộ tài chính ban hành. Đó là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà Nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

– Tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán hàng tồn kho nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất, kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất, kinh doanh khác nhau thì sẽ chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (Phương pháp hạch toán hàng tồn kho, phương pháp tính Giá vốn tồn kho,...) để đảm bảo phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ chuẩn mực của Nhà nước.

– Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được các yêu cầu này thì quyết định kế toán của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa thông tin kế toán được

cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng...vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

– Hoàn thiện về hạch toán hàng hoá tồn kho trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kinh tế khác nhau, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị, kế toán hàng tồn kho cũng như các phần hành kế toán khác nhau chỉ là một biện pháp trong toàn bộ công tác kế toán. Giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, không thể thiếu một bộ phận nào. Vì vậy bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động tới tất cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp. Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán hàng tồn kho mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.2.3. Nguyên tắc của việc hoàn thiện kế toán hàng hóa

Thông tin kế toán là thông tin rất quan trọng và cần thiết cho công tác quản lý hiện nay, nhất là trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Trong điều kiện cạnh tranh để tìm chỗ đứng trên thị trường, các doanh nghiệp cần phải có thông tin thật chính xác về tình hình tài chính của mình để có thể đề ra những biện pháp thích hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng cần phải hoàn thiện để đáp ứng mọi nhu cầu cao trong quản lý. Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hàng tồn kho trong doanh nghiệp được tốt hơn cần phải dựa trên những nguyên tắc sau :

– Hoàn thiện phải tuân thủ chế độ tài chính kế toán hiện hành, các văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan, đồng thời tiến tới hoà nhập với các thông lệ chung và chuẩn mực kế toán quốc tế. Công ty có thể vận dụng chế độ linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty nhưng vẫn phải tuân thủ theo nguyên tắc chung của chế độ kế toán Việt Nam.

– Hoàn thiện kế toán là nhằm hướng tới làm tốt hơn vai trò cung cấp thông tin cho cấp quản trị trong doanh nghiệp và những người quan tâm biết được biết về tình hình tài chính của Công ty.

– Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh

doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy, việc vận dụng hệ thống chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

3.2.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty Nhị Sơn.

Bằng những kiến thức tài chính kế toán đã được học tại trường và qua thời gian thực tập tại công ty Nhị Sơn, em đã thấy được sự vận dụng giữa lý thuyết và thực tế công tác kế toán hàng hóa. Bên cạnh những mặt tích cực mà công tác kế toán hàng hóa đã đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của tổ chức kế toán. Xuất phát từ những hạn chế này, em xin đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện thêm tổ chức kế toán hàng hóa tại Công ty.

✓ Thứ nhất: về công tác ghi chép sổ sách kế toán tại công ty:

Công ty vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy doanh nghiệp nên áp dụng hình thức kế toán máy để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn lẹ và hiệu quả hơn.

Trong thời đại hiện nay hầu hết các công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy nên công ty cũng nên tiếp thu sự tiến bộ đó để giúp cho việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế của bộ phận kế toán cũng như ban lãnh đạo của công ty dễ dàng hơn. Để doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh được hiệu quả thì công tác quản lý đóng vai trò khá quan trọng.

Trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty cử nhân viên đi đào tạo để tiếp cận với phần mềm kế toán, có kiến thức về phần mềm kế toán để về áp dụng tại công ty.

Nếu công ty hoàn thiện được bộ máy kế toán và áp dụng phương pháp kế toán máy thì hiệu quả công việc sẽ cao hơn, việc cung cấp thông tin và số liệu sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn giúp cho các nhà quản lý đưa ra phương pháp lãnh đạo công ty tốt hơn làm cho công ty đạt lợi nhuận cao hơn Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay:

❖ Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2016)

– Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2016 được thiết kế để dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

nhieu chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.

– Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hoá đơn cùng một phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng nhu cầu quản lý của đơn vị.

– Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

– Tính chính xác: số liệu tính toán rất chính xác, ít xảy ra sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

– Tính bảo mật: vì MISA chạy trên công nghệ SQL, nên khả năng bảo mật rất cao.



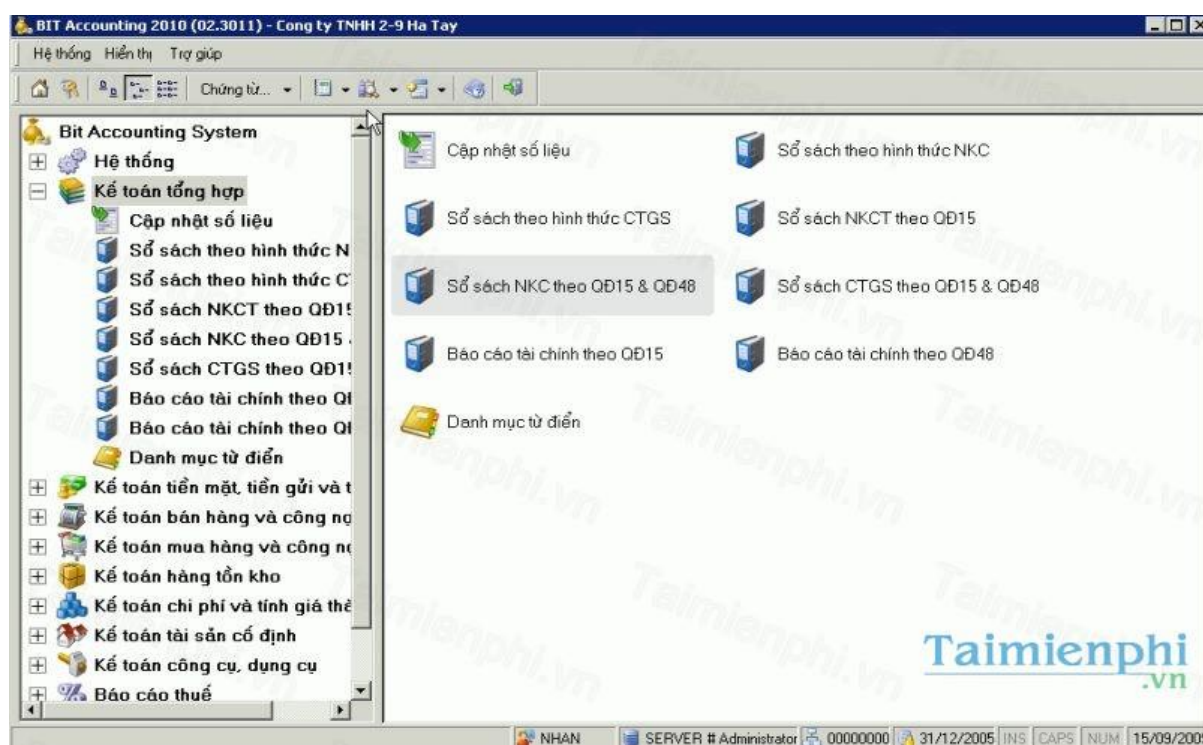
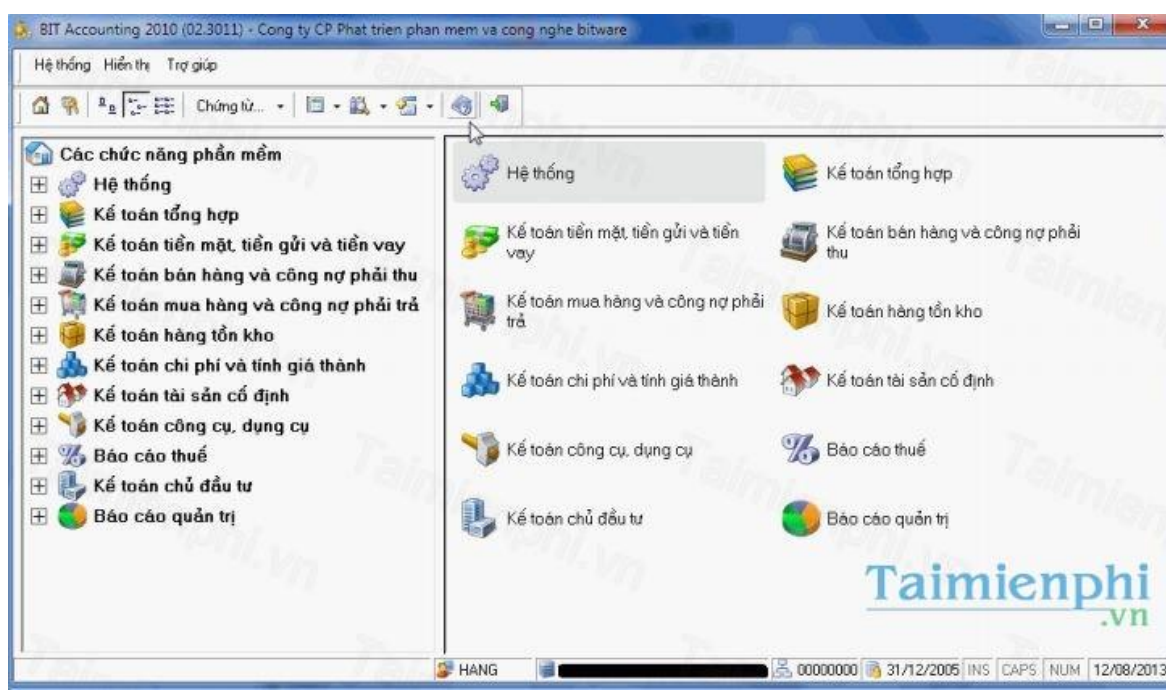
Ảnh 3.1: giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2016

❖ Phần mềm kế toán BIT Accounting

BIT Accounting là phần mềm kế toán phù hợp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm BIT Accounting.

ảnh 3.2. giao diện phần mềm kế toán BIT Accounting.



✓ Thứ hai: Về công tác quản lý hàng hóa

Nguồn hàng hóa trong công ty có nhiều chủng loại vì vậy doanh nghiệp nên lập danh điểm hàng hóa để việc theo dõi và kiểm soát vật tư được dễ dàng và chính xác hơn.

Để thuận tiện cho công tác quản lý hàng hóa được chặt chẽ thống nhất, đối chiếu kiểm tra được dễ dàng và dễ phát hiện khi sai sót và thuận tiện cho việc muốn tìm kiếm thông tin về một loại hàng hóa nào đó, trước hết công ty nên mở “Sổ danh điểm hàng hóa”. Sổ danh điểm hàng hóa được mở theo tên gọi, quy cách hàng hóa bằng hệ thống chữ số, đơn vị tính muốn mở được sổ này trước hết công ty phải xác định sổ danh điểm hàng hóa thống nhất trong toàn công ty chứ không phải xác định tùy ý chỉ giữa kho và phòng kế toán. Bởi vì như đã nói ở trên, hạch toán chi tiết hàng hóa ở công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ, như vậy việc mở sổ danh điểm hàng hóa sẽ góp phần xử lý nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ quản lý, kinh doanh và rất thuận tiện cho việc sử dụng phần mềm kế toán cho phần vận hành hạch toán hàng tồn kho trên máy tính.

Sổ điểm danh có thể được xây dựng theo mẫu sau :

BẢNG DANH ĐIỂM HÀNG HÓA

Kho	Danh điểm hàng hóa	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
Công ty	1561		Hàng hóa		
	15611		Gạch men	M2	
	156111	GS60x60	Gạch lát sàn	M2	
	156112	GT Cendre	Gạch ốp tường	M2	
				
	15612		Thiết bị vệ sinh		
	156121	BHS.01	Bồn hoa sen	Chiếc	
	156122	VHS.02	Vòi hoa sen	Chiếc	
	156123	DSN.05	Đèn sưởi nhà tắm	Chiếc	
				

Bảng 3.3: Danh điểm hàng hóa của công ty

Khi công ty xây dựng được hệ thống danh điểm hàng hóa thì việc theo dõi, kiểm tra hàng hóa được dễ dàng hơn rất nhiều và như vậy ban lãnh đạo có thể đưa ra hướng giải quyết kịp thời để không làm ảnh hưởng tới tiến độ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

✓ **Thứ ba: Về công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

- Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc “thận trọng” của kế toán, các doanh nghiệp cần thực hiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Doanh nghiệp nên thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để kiểm soát được sự chênh lệch giá cả tránh được những tổn thất trong việc biến động giá cả

- Theo quy luật của nền kinh tế thị trường, hàng hóa được mua bán với sự đa dạng và phong phú tùy theo nhu cầu sử dụng. giá cả của chúng cũng thường xuyên không ổn định. Có thể năm này giá hàng hóa cao hơn năm trước và ngược lại, do đó đã làm ảnh hưởng đến việc xác định chính xác giá thực tế hàng hóa mua vào, lại càng khó trong việc hạch toán kết quả kinh doanh.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thực sự ý nghĩa đối với công ty, nhất là do yêu cầu mở rộng kinh doanh, lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp công ty bình ổn giá trị hàng hóa trong kho, tránh được cú sốc của giá cả thị trường. Bên cạnh đó, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhiều khi còn đóng vai trò là những bằng chứng quan trọng của công tác kiểm toán và kiểm tra kế toán toàn công ty.

- Dự phòng giảm giá còn có tác dụng làm giảm lãi niên độ kế toán, nên doanh nghiệp tích lũy được một nguồn tài chính mà lẽ ra nó đã được phân chia. Nguồn tài chính này tạm thời nằm trong tài sản lưu động và khi cần sử dụng để bù đắp cho các khoản thiệt hại thực tế hàng tồn kho bị giảm giá phát sinh. Một điểm lợi nữa đó là lập dự phòng giảm được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập theo các điều kiện: Số dự phòng không được vượt quá số lợi nhuận thực tế phát sinh của công ty sau khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích từ năm trước, và có bằng chứng về các hàng hóa tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thường thấp hơn ghi trên sổ kế toán. Trước khi lập dự phòng, công ty phải lập hội đồng thẩm

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

định mức độ giảm giá của hàng tồn kho. Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế, công ty xác định mức dự phòng theo phương thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá hàng} \\ \text{hóa cho} \\ \text{năm kế} \\ \text{hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{thực tế tồn} \\ \text{kho tại} \\ \text{31/12 năm} \\ \text{báo cáo} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{giá gốc} \\ \text{hàng} \\ \text{tồn} \\ \text{kho} \\ \text{theo sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \left. \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{hàng tồn kho} \\ \text{trên thị trường} \\ \text{tại 31/12 năm} \\ \text{báo cáo} \end{array} \right\}$$

– Giá thực tế hàng hóa trên thị trường bị giảm giá tại thời điểm 31/12 là giá có thể mua hoặc bán trên thị trường. Việc lập phòng phải tiến hành riêng cho từng loại hàng hóa và tổng hợp vào bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho của công ty. Bảng kê này chính là căn cứ để hạch toán vào chi phí quản lý công ty.

– Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho công ty sẽ hạn chế được rủi ro trong quá trình sản xuất, tránh được những tổn thất kinh tế do sự thay đổi giá cả của hàng hóa trên thị trường.

– Cách hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ năm kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi :

Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán

Có TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

– Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau :

Nợ TK 632: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

– Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau :

Nợ TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Lưu ý: Bắt đầu từ 1/1/2017 thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC sẽ thay cho QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC và khi đó khoản dự giảm giá hàng tồn kho sẽ được theo dõi trên Tài khoản 2294. Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Cách xác định và phương pháp hạch toán tương tự QĐ số 48/2006/QĐ-BTC.

✓ **Thứ tư: Về công tác tổ chức kiểm kê hàng hóa.**

– Vì doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa nên công ty cần chú trọng vào việc kiểm tra hàng hóa trong kho tránh được những thất thoát, mất mát hàng hóa. Hơn nữa việc kiểm kê thường xuyên giúp doanh nghiệp phát hiện và xử lý kịp thời khi bị máy hay hư hỏng hàng hóa. Trên thực tế đến cuối năm doanh nghiệp mới tiến hành công tác kiểm kê hàng hóa trong kho, như vậy nếu có những hàng hóa bị hư hỏng trong quá trình lưu trữ thì doanh nghiệp sẽ không kịp thời xử lý sẽ dẫn đến những tổn thất kinh tế, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

– Doanh nghiệp nên hoàn thiện công tác kiểm kê kho, tiến hành kiểm kê thường xuyên hàng tháng hoặc hàng quý để kịp thời phát hiện những loại hàng hóa bị thiếu hụt hay còn dư thừa, ít dùng xuất bán để từ đó có những biện pháp xử lý kịp thời cũng như đề ra những biện pháp khắc phục và những quyết định thu mua, xuất bán hàng hóa. Công tác kiểm kê thường sử dụng thước đo hiện vật để đo lường cũng như đo, đếm tại chỗ. Khi phát hiện thừa, thiếu hàng hóa tại kho, kế toán phải xác định nguyên nhân và ghi sổ kế toán.

– Việc kiểm tra kho định kỳ nên được thực hiện 3 tháng một lần hoặc tiến hành kiểm tra đột xuất nhằm mục đích: xác nhận số lượng (phù hợp với hồ sơ hàng hóa), chất lượng (nhận biết, hư hại, suy giảm chất lượng, bao gói), hay phát hiện kịp thời những mặt hàng lỗi. Kết quả kiểm tra phải được ghi lại trong biên bản kiểm kho. Mọi sản phẩm không phù hợp được phát hiện phải cách ly, đánh dấu và chờ ý kiến xử lý của Giám đốc.

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán hàng hóa đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ đánh giá được hiệu quả kinh doanh của đơn vị. Từ đó, những nhà quản lý doanh nghiệp sẽ có biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng kinh doanh tăng lợi nhuận.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Nhị Sơn cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng. Có thể nói, công tác kế toán hàng hóa của công có những ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006.

+ Về công tác kế thanh toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ.

Song cũng không tránh khỏi những hạn chế:

- Công tác ghi chép sổ sách kế toán tại công ty còn hạn chế.
- Công tác quản lý hàng hóa chưa tốt
- Chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Chưa thực hiện công tác tổ chức kiểm kê hàng hóa thường xuyên.

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Nhị Sơn:

- Kiến nghị về công tác ghi chép sổ sách kế toán tại công ty.
- Kiến nghị về công tác quản lý hàng hóa
- Kiến nghị về công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Kiến nghị về công tác tổ chức kiểm kê hàng hóa.

Do nội dung của đề tài khóa luận rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Với trình độ còn có hạn, thời gian thực tập tại công ty không dài, bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô và các bạn để bài khóa

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

luận của em đầy đủ và hoàn thiện hơn. Cuối cùng, em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến thầy giáo Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ đã trực tiếp hướng dẫn em tận tình, cùng các thầy cô trong khoa Quản Trị Kinh Doanh và toàn thể ban lãnh đạo cùng các anh chị phòng kế toán tại công ty Nhị Sơn đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn

Hải Phòng, ngày 9 tháng 3 năm 2018

Sinh viên thực hiện

Phạm Trần Huyền Trang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty Nhị Sơn (2016) *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Các tài liệu khác trên internet.